

A close-up, blue-tinted photograph of a silver fountain pen nib resting on a financial candlestick chart. The chart shows several candlesticks with a line connecting their tops, set against a background of a grid.

BÁO CÁO

TẬP TRUNG KINH TẾ VIỆT NAM

NĂM 2014

Hà Nội, Tháng 4 - 2015



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH



Australian
AID 



Australian Government
Australian Research Council

MỤC LỤC

07	LỜI NÓI ĐẦU
09	CHƯƠNG I
	THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012 - 2014
10	1. Tình hình kinh tế xã hội
10	1.1. Tình hình kinh tế xã hội thế giới
11	1.2. Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam
14	2. Thực trạng chung của hoạt động TTKT trong giai đoạn vừa qua
14	2.1. Tổng quan
17	2.2. Một số vụ việc TTKT tiêu biểu giai đoạn 2012 - 2014
32	2.3. Tập trung kinh tế của các tập đoàn, DNNN
33	2.4. Tập trung kinh tế thông qua thị trường chứng khoán
38	2.5. Tập trung kinh tế theo thay đổi đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư
43	CHƯƠNG II
	KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ
44	1. Các văn bản QPPL mới được ban hành
44	1.1. Quy định kiểm soát TTKT của pháp luật cạnh tranh
45	1.2. Quy định kiểm soát TTKT của luật chuyên ngành
46	2. Các vụ việc thông báo và tham vấn TTKT tới Cục QLCT
48	3. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao
49	3.1. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao căn cứ theo chỉ số CR
51	3.2. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao căn cứ theo chỉ số HHI
52	CHƯƠNG III
	MỘT SỐ VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KIỂM SOÁT TTKT TRONG THỜI GIAN TỚI
53	1. Một số vụ việc điển hình
53	1.1. Vụ việc của Công ty PEPSICO
56	1.2. Vụ việc P3 (Ba hãng vận tải biển lớn)
57	1.3. Vụ việc Abbott mua lại CFR
58	1.4. Vụ việc xin hưởng miễn trừ của BankNetVN và Smartlink
59	1.5. Vụ việc BJC mua lại Metro
61	2. Xu hướng tập trung kinh tế
61	2.1. Tập trung kinh tế do thực hiện cổ phần hóa

61	2.2. Tái cấu trúc nội bộ doanh nghiệp
62	2.3. Tái cấu trúc lĩnh vực ngân hàng
62	2.4. M&A trong một số lĩnh vực quan trọng
64	2.5. M&A trong bối cảnh hội nhập kinh tế
65	2.6. Các doanh nghiệp nước ngoài mua lại, sáp nhập ngoài lãnh thổ
65	3. Định hướng kiểm soát TTKT trong thời gian tới
65	3.1. Các TTKT thuộc diện kiểm soát
67	3.2. Định hướng kiểm soát TTKT
70	PHỤ LỤC 1
	CÁC VỤ VIỆC THÔNG BÁO TTKT GIAI ĐOẠN 2012 - 2014
74	PHỤ LỤC 2
	MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA VIỆC KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRONG LUẬT CẠNH TRANH VÀ CÁC VẤN BẮN CHUYÊN NGÀNH
100	PHỤ LỤC 3
	QUYẾT ĐỊNH CHO HƯỞNG MIỄN TRỪ

MỤC LỤC BẢNG

18	Bảng 1: Các thương vụ TTKT điển hình ngành tài chính - ngân hàng (2012 - 2014)
22	Bảng 2: Các thương vụ TTKT điển hình ngành bất động sản và vật liệu xây dựng (2012 - 2014)
26	Bảng 3: Các thương vụ TTKT điển hình ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ (2012 - 2014)
29	Bảng 4: Các thương vụ TTKT điển hình trong nhóm ngành khác (2012 - 2014)
34	Bảng 5: Các doanh nghiệp thực hiện hoán đổi cổ phiếu trên TTCK (2012 - 6T/2014)
50	Bảng 6: Các Ngành/lĩnh vực có mức độ tập trung CR3 cao nhất năm 2013
63	Bảng 7: Một số vụ việc M&A dự kiến sẽ tiến hành trong thời gian tới

MỤC LỤC HÌNH

- 15 Hình 1: Số lượng và giá trị M&A tại Việt Nam (2012 - 2014)
- 17 Hình 2: Tỷ trọng các ngành trong tổng giá trị M&A năm 2014
- 38 Hình 3: Số lượng vụ việc TTKT thay đổi đăng ký kinh doanh (2012 - 2014)
- 39 Hình 4: Các loại hình TTKT theo thay đổi đăng ký kinh doanh/GCNĐT (2012 - 2014)
- 40 Hình 5: Thành phần doanh nghiệp tham gia TTKT theo ĐKKD/GCNĐT (2012 - T6/2014)
- 41 Hình 6: Thống kê TTKT theo lĩnh vực, ngành nghề thay đổi ĐKKD giai đoạn 2012 - 2014
- 42 Hình 7: Các tỉnh, thành phố có nhiều vụ việc TTKT giai đoạn 2012 - 2014
- 46 Hình 8: Số vụ việc thông báo TTKT giai đoạn 2005 - 2014
- 47 Hình 9: Phân loại các vụ việc TTKT theo nhóm ngành nghề
- 51 Hình 10: Các ngành, lĩnh vực có HHI cao
- 54 Hình 11: Giao dịch giữa Pepsico và Suntory

MỤC LỤC HỘP

- 21 Hộp 1: PGBank sáp nhập vào VietinBank
- 25 Hộp 2: Bùng nổ M&A bất động sản tại Tp.HCM
- 28 Hộp 3: Ocean Mart bán cho Vingroup, đổi tên thành VinMart
- 31 Hộp 4: UPS mua lại 49% cổ phần của VNPost Express
- 37 Hộp 5: Vụ việc HVG mua VTF và AGF

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN
CPH	Cổ phần hóa
CR	Chỉ số về mức độ tập trung
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCNĐT	Giấy chứng nhận đầu tư
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTVT	Giao thông vận tải
HHI	Herfindahl-Hirschman Index (Chỉ số về mức độ tập trung kinh tế)
KCN	Khu công nghiệp
KCX	Khu chế xuất
M&A	Mua bán và sáp nhập
QLCT	Quản lý cạnh tranh
QPPL	Quy phạm pháp luật
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPP	Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương
TTCK	Thị trường chứng khoán
TTKT	Tập trung kinh tế
VCA	Cục Quản lý cạnh tranh

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thời gian qua hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam diễn ra sôi động và tăng trưởng mạnh với tổng quy mô giao dịch giai đoạn 2009 - 2014 đạt khoảng 18 tỷ đô la Mỹ¹. Thực trạng này cho thấy hoạt động mua bán sáp nhập vẫn được các doanh nghiệp trong và ngoài nước coi là cách thức đầu tư hiệu quả nhất trong việc tiết kiệm nguồn lực, thâm nhập thị trường, giảm thiểu các rào cản gia nhập thị trường cũng như nhằm gia tăng nguồn lực và sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam đã và đang diễn biến khá phức tạp. Thị trường đã chứng kiến làn sóng mua bán sáp nhập các doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, nhiều thương vụ cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước lớn, những thương vụ doanh nghiệp nước ngoài chiếm lĩnh thị trường Việt Nam và những vụ thầu tóm giá trị cao... Điều đó cho thấy tập trung kinh tế tại Việt Nam có nguy cơ tiềm ẩn những yếu tố hình thành các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh và có thể gây ảnh hưởng tới môi trường cạnh tranh. Vì vậy, các hoạt động tập trung kinh tế cần được các cơ quan quản lý nhà nước giám sát, kiểm soát chặt chẽ.

Thực hiện chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về cạnh tranh, trong đó có nhiệm vụ kiểm soát tập trung kinh tế, Cục Quản lý cạnh tranh (VCA) đã thực hiện hai Báo cáo tập trung kinh tế Việt Nam vào các năm 2008 và 2011. **“Báo cáo tập trung kinh tế Việt Nam”** được xây dựng nhằm cung cấp cho cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan một bức tranh tổng thể và toàn diện về thực trạng tập trung kinh tế tại Việt Nam và công tác quản lý nhà nước đối với loại hình kinh doanh này.

Để tăng cường hơn nữa công tác bảo đảm môi trường cạnh tranh, kiểm soát độc quyền theo quy định của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, với sự hỗ trợ của Dự án Hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (RCV), Cục Quản lý cạnh tranh thực hiện Báo cáo Tập trung kinh tế Việt Nam năm 2014. Báo cáo bao gồm các nội dung cơ bản sau:


¹ Tổng hợp của Cục QLCT

- » 1. Thực trạng hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam giai đoạn 2012 - 2014;
- » 2. Kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh;
- » 3. Các vụ việc tập trung kinh tế điển hình và xu hướng tập trung kinh tế trong thời gian tới.

Một điểm mới so với các Báo cáo đã thực hiện các năm trước, Báo cáo Tập trung kinh tế năm 2014 tập trung phản ánh thực trạng hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam cũng như thực tiễn thực thi các quy định kiểm soát tập trung kinh tế để từ đó đưa ra những dự báo xu hướng tập trung kinh tế trong thời gian sắp tới và định hướng kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế của Cục Quản lý cạnh tranh nhằm duy trì và bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các chủ thể tham gia hoạt động tại Việt Nam.

Nhân dịp này, Cục Quản lý cạnh tranh xin trân trọng cảm ơn Bộ Ngoại giao và thương mại Ô-x-trây-li-a và Dự án Hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (RCV) hỗ trợ Cục triển khai xây dựng báo cáo này. Đồng thời, Cục cũng xin trân trọng cảm ơn các cơ quan hữu quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất các tỉnh, thành phố, cộng đồng doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu đã hỗ trợ, phối hợp và đóng góp ý kiến để hoàn thiện Báo cáo.

Hà Nội, tháng 4, năm 2015



Bạch Văn Mừng
Cục trưởng Cục Quản lý cạnh Tranh

CHƯƠNG I

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

1. Tình hình kinh tế xã hội

1.1. Tình hình kinh tế xã hội thế giới

Kinh tế toàn cầu giai đoạn 2012 - 2014 đang có dấu hiệu phục hồi với tốc độ chậm, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thế giới ở mức khoảng 3% năm 2014. Một số nền kinh tế hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... có dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế có dấu hiệu tăng trưởng sau suy thoái. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm tăng trưởng toàn cầu trước đó, tình trạng nợ công tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu, khủng hoảng chính trị ở Ukraine kéo theo hiệu ứng cuộc chiến thương mại với Nga thông qua trừng phạt kinh tế lẫn nhau, v.v... đã gây ra sự không vững chắc trong nền kinh tế toàn cầu nói chung.

Trong giai đoạn vừa qua, kinh tế các nước khu vực ASEAN, trong đó Việt Nam là thành viên, tăng trưởng chậm và có xu hướng chững lại, đạt mức 4-5%. Năm 2015, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sẽ được thành lập và tạo nên một

thị trường thống nhất cho các quốc gia thành viên. Trong đó, AEC hướng tới thúc đẩy phát triển kinh tế một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu, đồng thời tạo ra dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề trong ASEAN.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã chính thức ký kết các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan (VCUFTA) vào cuối năm 2014, và sắp tới là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và một số Hiệp định thương mại khác. Việc tham gia vào các Hiệp định thương mại song phương và đa phương với các đối tác quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Khi tham gia vào các Hiệp định này không chỉ đem lại cơ hội thương mại, đầu tư, hợp tác toàn diện với quốc gia đối tác mà còn thúc đẩy cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội. Môi trường kinh tế vĩ mô thay đổi, chuyển biến tích cực sẽ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động mua bán, sáp nhập tại Việt Nam.

1.2. Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam

Trước bối cảnh kinh tế thế giới như trên, kinh tế Việt Nam giai đoạn 2012 - 2014 cũng chịu nhiều tác động, sản xuất kinh doanh trong nước còn một số khó khăn như khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, sức ép nợ xấu còn nặng nề, hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp..., Chính phủ luôn tập trung nỗ lực huy động các nguồn lực kinh tế, xã hội, thúc đẩy sản xuất, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường cải cách hành chính, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế. Do đó, nhìn chung kinh tế vĩ mô luôn ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi trong hầu hết các ngành, lĩnh vực và có nhiều chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước đó.

Trong ba năm 2012 - 2014, tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015), nền kinh tế Việt Nam đạt được một số kết quả như sau:

» Tăng trưởng GDP ổn định: Tổng sản phẩm trong nước qua 03 năm kể từ 2012 - 2014 tăng đều qua các năm lần lượt là 5,03%; 5,42% và 5,98%, với GDP năm 2014 đạt gần 190 tỷ USD.

Riêng trong năm 2014, mức tăng trưởng bình quân cuối năm đạt trên 6,5% so với mức 5,2% nửa đầu năm. Mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước và đặc biệt khởi sắc vào cuối năm 2014 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Đây chính là thể hiện thành quả rõ rệt nhất của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô, ổn định tăng trưởng kinh tế, kiểm chế lạm phát.

- » Mức tăng trưởng của khu vực dịch vụ, so với các nhóm ngành khác, đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế trong năm 2012 - 2013, đến năm 2014 có sự chuyển biến sang khu vực công nghiệp và xây dựng. Năm 2014, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò quan trọng; tiếp theo là khu vực dịch vụ tăng 5,96% với các ngành có đóng góp quan trọng là bán buôn, bán lẻ, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%.
- » Về cơ cấu trong nền kinh tế qua các năm, khu vực dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,38%, thứ hai là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50% và cuối cùng là khu vực

nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,4% năm 2014.

- » Giai đoạn 2012 - 2014, trên cả nước có 221,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 830,9 nghìn tỷ đồng. Số lượng giải thể trong giai đoạn này là 28,7 nghìn doanh nghiệp. Riêng trong năm 2014, có 74.8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn là 432,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,4% về số vốn đăng ký so với năm 2013. Số doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải giải thể hoặc ngừng hoạt động là 9,5 nghìn doanh nghiệp, giảm 3,1% so với năm trước, trong số đó, số lượng doanh nghiệp giải thể phần lớn là những doanh nghiệp có quy mô dưới 10 tỷ đồng.
- » Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2014 đạt 1.220,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm trước và bằng 31% GDP. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước đạt 486,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,9% tổng vốn và tăng 10,1% so với năm trước; vốn khu vực ngoài Nhà nước đạt 468,5,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,4% và tăng 13,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 365,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,7% và tăng 10,5%. Như vậy, xét về cơ cấu đầu tư vốn, khu vực ngoài nhà nước và tư nhân chiếm tỷ trọng cao hơn so với khu vực nhà nước. Xét về vốn địa phương, một số tỉnh, thành có khối

lượng đầu tư thực hiện lớn gồm Hà Nội đạt 23.931 tỷ đồng, thành phố Hồ Chí Minh 18.160 tỷ đồng, Đà Nẵng 4.989 tỷ đồng, Bình Dương 4.439 tỷ đồng, Nghệ An 4.245 tỷ đồng, Quảng Ninh 4.087 tỷ đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu 3.921 tỷ đồng.

- » Mức độ hội nhập kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới ngày càng rộng và sâu: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2014 đạt mức kỷ lục 150 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 148 tỷ, đạt mức xuất siêu 2 tỷ USD năm 2014. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu Việt Nam không mấy thay đổi qua các năm, trong đó mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn là dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản, điện tử điện máy, các mặt hàng nông sản. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, xăng dầu, sản phẩm hóa chất, v.v.
- » Quá trình tái cấu trúc, đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh và tiến hành tập trung. Hiện nay đã có hơn 4.000 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa và hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành, tài chính phức tạp. Theo kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa được Chính phủ phê duyệt thì trong giai đoạn 2014 - 2015 cả nước sẽ thực

hiện cổ phần hóa 432 doanh nghiệp, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước tiếp tục thoái vốn đầu tư vào 05 lĩnh vực nhạy cảm (chứng khoán, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư). Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, tái cấu trúc ngành ngân hàng tạo ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động M&A.

- » Chỉ số giá tiêu dùng CPI đạt mức thấp nhất trong vòng 13 năm trở lại đây, với mức tăng 4,09% so với năm 2013.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Một số khó khăn, thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn vừa qua là:

- » Mặc dù trong năm vừa qua Việt Nam đạt xuất siêu, tuy nhiên khu vực doanh nghiệp nước ngoài đóng góp chủ yếu vào giá trị xuất khẩu. Trong khi khu vực trong nước chủ yếu chỉ xuất hàng thô, hàng mới qua sơ chế và gia công có giá trị gia tăng thấp. Đây cũng là một vấn đề cần đáng lưu ý trong hoạt động và tỷ trọng hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam.
- » Sức cạnh tranh của nền kinh tế đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn còn ở mức tương đối thấp, tăng trưởng chủ yếu dựa vào phát triển theo chiều rộng và chưa nâng cao

được hiệu suất lao động. Năm 2013, hệ số sử dụng vốn (ICOR) của Việt Nam ở mức 5,53, cao hơn so với mức đạt được hiệu quả và phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

- » Một số chính sách của Chính phủ như áp dụng chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, gắn kết chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, chính sách tín dụng đối với một số ngành, lĩnh vực chưa được triển khai quyết liệt gây khó khăn phần nào trong hoạt động của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt khi các doanh nghiệp có ý định tiến hành mua bán hoặc sáp nhập trên thị trường.
- » Thị trường bất động sản, ngân hàng, chứng khoán vẫn gặp nhiều khó khăn, nợ xấu của các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngày càng có xu hướng tăng lên.

2. Thực trạng chung của hoạt động TTKT trong giai đoạn vừa qua

2.1. Tổng quan

Trong thời gian qua, làn sóng mua bán sáp nhập tại Việt Nam ngày một gia tăng mạnh mẽ. Giai đoạn 2009 - 2011, có khoảng 750 thương vụ mua bán sáp nhập tại Việt Nam với tổng giá trị giao dịch ước đạt 6,89 tỷ đô la Mỹ². Giai đoạn 2012 - 2014, tổng giá trị các vụ việc mua bán, sáp nhập tăng khá cao, đạt khoảng 11,13 tỷ đô la Mỹ. Trong đó, năm 2012, tổng giá trị các thương vụ M&A đạt khoảng 3,85 tỷ đô la Mỹ. Năm

2013, tổng giá trị các thương vụ M&A tại Việt Nam đạt 4,78 tỷ đô la Mỹ, tăng 24% so với năm 2012. Năm 2014, Việt Nam có khoảng 285 giao dịch M&A được thực hiện với giá trị khoảng 2,5 tỷ USD.

Theo nghiên cứu của hãng Thomson Reuters về thị trường M&A khu vực Đông Nam Á năm 2014, quy mô các giao dịch trong khu vực đạt khoảng 140 tỷ USD, tăng 68% so với năm trước và đây là kỷ lục mới kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Singapore tiếp tục là quốc gia dẫn đầu với 880 thương vụ trị giá hơn 82 tỷ USD. Nhiều giao dịch lớn ở các nước khác trong khu vực cũng được thực hiện như Malaysia, Indonesia... So với các nước khác trong khu vực thì quy mô giao dịch tập trung kinh tế năm 2014 của thị trường Việt Nam tương đối nhỏ.

² Cục QLCT: Báo cáo TTKT Việt Nam 2011

Hình 1: Số lượng và giá trị M&A tại Việt Nam (2012 – 2014)



Xét về số lượng thương vụ M&A, nếu như giai đoạn trước yếu tố nước ngoài chiếm tỷ trọng tới 66% về giá trị và 77% về số lượng giao dịch tập trung kinh tế tại Việt Nam thì giai đoạn 2012 - 2014, yếu tố nước ngoài chỉ còn chiếm tỷ trọng cao về giá trị giao dịch với khoảng 68%, tỷ trọng về số lượng giao dịch đã giảm xuống dưới 30%. Như vậy, các thương vụ liên quan đến doanh nghiệp nội địa chiếm đa số với khoảng 75%. Điều này phản ánh tác động của chương

trình tái cấu trúc nền kinh tế đang được Nhà nước đẩy mạnh, trong đó nổi bật là Đề án cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 cũng như Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011 - 2015 (Đề án 254).

Nếu như trong năm 2012, giá trị trung bình của một thương vụ đạt khoảng 10 triệu USD thì năm 2013 con số này đã tăng lên trên 15 triệu USD, tuy nhiên sang năm 2014 thì lại giảm xuống còn 8.7 triệu USD. Cũng cần nhận thấy rằng những con số giá trị trung bình này chỉ mang tính chất tham khảo vì không phản ánh được giá trị của những thương vụ có quy mô lớn khi các công ty mục tiêu là những doanh nghiệp có sức mạnh thị trường nhất định.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp Việt Nam cũng bắt đầu thực hiện các thương vụ ở nước ngoài (ví dụ Vinamilk, Viettel, FPT). Tuy nhiên, xu thế chủ đạo vẫn là làn sóng mua lại doanh nghiệp trong nước của các công ty nước ngoài.

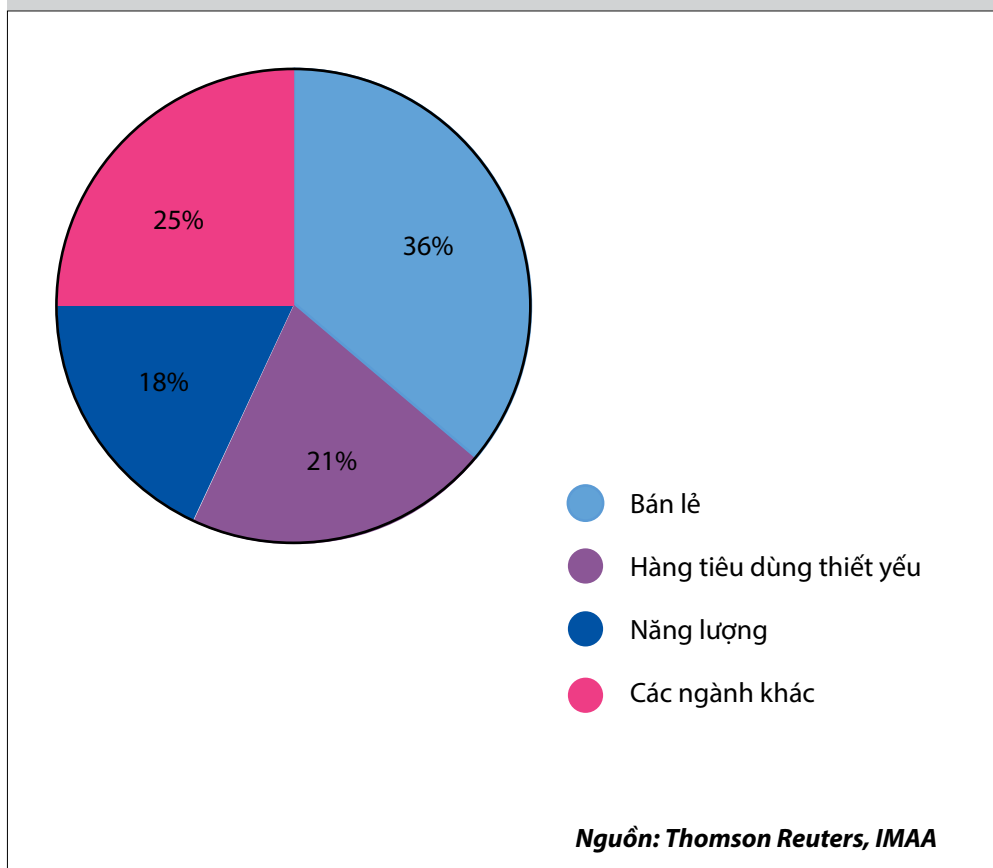
Xét tổng quan thì các lĩnh vực bán lẻ, hàng tiêu dùng, năng lượng, tài chính ngân hàng là những lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các thương vụ M&A được công bố. Đứng đầu trong các thương vụ M&A trong năm qua là ngành bán lẻ, chiếm tới 36% tổng giá trị. Trong đó thương vụ có giá trị cao nhất là sự kiện Tập đoàn BJC mua lại

toàn bộ hệ thống siêu thị Metro với giá trị được thông báo là 870 triệu USD. Có thể thấy xu hướng tiếp tục khai phá thị trường hơn 90 triệu dân ở Việt Nam luôn là chiến lược cốt lõi mà các doanh nghiệp bán lẻ trong và ngoài nước đang thực hiện.

Ở vị trí thứ 2 là lĩnh vực hàng tiêu dùng thiết yếu với tỉ trọng 21% tổng giá trị các thương vụ M&A.

Đứng ở vị trí thứ 3 là lĩnh vực năng lượng (18%). Nhu cầu tiêu thụ năng lượng lớn trong tiêu dùng và phục vụ sản xuất đã khiến lĩnh vực này hấp dẫn để M&A. Ví dụ, năm qua, Công ty Cổ phần Cơ điện (REE) đã rất tích cực thu tóm thêm cổ phần trong các doanh nghiệp thủy điện, nhiệt điện và chiến lược này dự kiến sẽ được tiếp tục trong các năm tới. Ngoài ra, các doanh nghiệp nước ngoài cũng dành nhiều sự quan tâm đến ngành năng lượng ở Việt Nam và điều này hứa hẹn sẽ thúc đẩy thêm nhiều thương vụ M&A trong thời gian tới.

Hình 2: Tỷ trọng các ngành trong tổng giá trị M&A năm 2014



2.2. Một số vụ việc TTKT tiêu biểu giai đoạn 2012 - 2014

2.2.1 Ngành tài chính - Ngân hàng

Trong giai đoạn thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD (2011 - 2015), các giao dịch mua bán sáp nhập trong lĩnh vực tài chính ngân hàng diễn ra hết sức sôi động. Bản chất các giao dịch mua bán sáp nhập trong lĩnh vực ngân hàng là cơ cấu lại các ngân hàng nhỏ lẻ để hình thành những ngân hàng có tiềm lực lớn hơn. Một số thương vụ mua bán cổ phần của các ngân hàng lớn cũng đã được thực hiện trong giai đoạn vừa qua. Điển hình là vụ Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank) đã bán 20% cổ phần cho Ngân hàng Tokyo Mitsubishi trị giá 743 triệu USD và trở thành

ngân hàng thương mại có vốn điều lệ lớn nhất và cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam. Đây cũng là thương vụ M&A lớn nhất trong lĩnh vực ngân hàng từ trước đến nay, đã đem lại rất nhiều sức mạnh thị trường cho Vietinbank. Tiếp theo xu hướng này, cùng với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, các thương vụ mua bán cổ phần của các ngân hàng thương mại nhà nước được dự báo tiếp tục diễn ra trong giai đoạn tới.

Cụ thể hơn, các kế hoạch củng cố hệ thống ngân hàng của NHNN và sự ra đời

của các thông tư mới quy định cơ cấu sở hữu theo Thông tư 36 được cho là sẽ đem đến những tác động tích cực đối với ngành ngân hàng Việt Nam.

Mục tiêu của NHNN là đến năm 2017, số ngân hàng trên cả nước sẽ giảm từ mức khoảng 40 xuống còn 15 - 17 ngân hàng. Nếu kế hoạch được thực hiện thì quá trình cải tổ sẽ được dẫn dắt bởi việc nhập ngân hàng nhỏ hơn và yếu kém hơn vào các ngân hàng thương mại nhà nước có quy mô lớn hơn.

Bảng 1: Các thương vụ TTKT điển hình ngành tài chính - ngân hàng (2012 - 2014)

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Sáp nhập	n.a	100%
2	Tập đoàn DOJI	TienPhong Bank	Mua lại	n.a	20%
3	Insurance Australia Group	Bảo hiểm AAA	Mua lại	n.a	n.a

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
4		NaviBank TrustBank TienPhong Bank GPBank	Tự tái cấu trúc		
5	Ngân hàng TMCP phát triển TPHCM (HDBank)	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)	Sáp nhập	8100 tỷ VNĐ	100%
6	Ngân hàng Nhật Tokyo Mitsubishi	VietinBank	Mua lại	743 triệu USD	20%
7	IFC, Maybank	ABBank	Mua lại	n.a	IFC: 10% Maybank: 20%
8	HDBank	Công ty Tài chính Việt Societte	Mua lại	n.a	100%
9	Nhà đầu tư	NaviBank	Mua lại cổ phần	n.a	
10	PVFC	WesternBank	Hợp nhất	9000 tỷ VNĐ	n.a
11	CTCP Chứng khoán MBS	CTCP chứng khoán VIT	Hợp nhất	n.a	100%
12	VP Bank	Cty Tài chính Than khoáng sản Việt Nam (CMF)	Mua lại	n.a	100%

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
13	CTCP chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VISecurities)	CTCP chứng khoán Đại Tây Dương (OSC)	Hợp nhất	60 tỷ	100%
14	Maritime Bank	Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB)	Sáp nhập	3750 tỷ VNĐ	100%
15	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc	Mua lại	24,8 tỷ	99.20%
16	Maritime Bank	Công ty tài chính cổ phần Dệt may Việt Nam (TFC)	Mua lại	n.a	n.a
17	Ngân hàng Nhà nước	NH TMCP Xây dựng (VNDB)	Mua lại	0 VNĐ	100%
18	Credit Saison Co., Ltd (Nhật Bản)	HDFinance (HDBank)	Mua lại	n.a	49%
19	VietinBank	PG Bank	Sáp nhập	n.a	100%
20	CTCK Bản Việt	Cty QLQ Bản Việt	Mua lại	79,56 tỷ	100%
21	CTCK KIS (Hà Quốc)	CTCK KIS (Việt Nam)	Mua lại phần vốn góp	129 tỷ	98%

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Hộp 1: PGBank sáp nhập vào VietinBank

Ngày 14 tháng 4 năm 2015, tại ĐHCĐ thường niên, NHTMCP Công thương Việt Nam đã chính thức xin ý kiến cổ đông phương án sáp nhập PGBank để đưa Vietinbank thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, có quy mô năng lực xứng tầm khu vực.

Vietinbank đã xây dựng dự thảo Đề án sáp nhập và Hợp đồng sáp nhập giữa Vietinbank và PGBank. Mặc dù HĐQT trình ĐHCĐ thông qua nội dung liên quan đến việc sáp nhập PGBank nhưng chỉ thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ tướng. Ban lãnh đạo Vietinbank công bố 4 phụ lục liên quan đến phương án sáp nhập. Theo đó, việc sáp nhập PGBank vào Vietinbank giúp ngân hàng tăng trưởng nhanh, khẳng định vị thế là ngân hàng hàng đầu, khai thác lợi thế đối tác chiến lược Petrolimex với hàng ngàn cửa hàng xăng dầu trên khắp cả nước. Cùng với đó tiếp cận với dự án lớn của Petrolimex, nâng tầm đối tác trong lĩnh vực năng lượng.

Vốn điều lệ sau sáp nhập là cộng ngang. Sau sáp nhập vốn điều lệ của Vietinbank là hơn 40 ngàn tỷ đồng gồm 37.234 tỷ đồng của Vietinbank và 3.000 vốn điều lệ PGBank. Các cổ đông lớn sau khi sáp nhập là cổ đông nhà nước, BTMU và IFC.

Sau khi Vietinbank và PG Bank tổ chức đại hội cổ đông thông qua đề án sáp nhập, dự kiến đến tháng 6/2015 NHNN sẽ chấp thuận về mặt nguyên tắc. Trong quý III, Vietinbank sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi, thực hiện xin UBCK niêm yết và cuối quý III, NHNN phê duyệt chính thức.

Dự kiến sau sáp nhập, Vietinbank sẽ thành lập công ty tài chính PG Finance tập trung cho nhóm khách hàng Petrolimex với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng.

2.2.2. Ngành bất động sản và vật liệu xây dựng

Trong thời gian qua, thị trường bất động sản là lĩnh vực chịu nhiều tác động khó khăn khi nền kinh tế tăng trưởng chững lại. Hậu quả của việc đóng băng thị trường bất động sản cũng như việc mất cân đối cán cân cung cầu trên thị trường kéo theo hoạt động mua bán sáp nhập trong lĩnh vực này diễn ra như một lối thoát của các doanh nghiệp bất động sản. Hàng loạt thương vụ mua bán sáp nhập đã được diễn ra trong giai đoạn vừa qua bao gồm cả việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng các tòa

nhà văn phòng, các khu nghỉ dưỡng. Trong đó các nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy mạnh cơ hội thâm nhập vào thị trường bất động sản Việt Nam.

Xu hướng M&A trong ngành bất động sản dự báo tiếp tục diễn ra sôi động nhờ tác động của những đổi mới về chính sách đối với thị trường bất động sản trong năm 2015, nhất là Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) và Luật Nhà ở (sửa đổi) vừa được thông qua với điểm nhấn là quy định cho phép nhà đầu tư nước ngoài được mua nhà tại Việt Nam với thời hạn 50 năm.

Bảng 2: Các thương vụ TTKT điển hình ngành bất động sản và vật liệu xây dựng (2012 – 2014)

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
1	Công ty Điện tử Hanel	Công ty Daewoo E&C Hàn Quốc	Mua lại	n.a	70%
2	C.T group	Công ty G.S Củ Chi	Mua lại	24 triệu USD	95%
3	Đất Xanh Group	Công ty TNHH địa ốc Gia Phú	Mua lại	250 tỷ VNĐ	n.a
4	Vina Properties Development Group	Novotel Phan Thiet Ocean Dunes and Golf Resort	Mua lại	n.a	n.a

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
5	Quý đầu tư BĐS Nhật Bản Japan Asia Việt Nam	Maple Tree	Mua lại	54 triệu USD	n.a
6	Tungshing Group	Vinaland	Mua lại	16 triệu USD	53%
7	Siam Cement Group	Prime Group	Mua lại	4900 tỷ VNĐ	85%
8	Viettel	Xi măng Cẩm Phả	Mua lại	140 tỷ VNĐ	70%
9	HimLam Land	Hoàng Anh Gia Lai	Mua lại dự án	>1050 tỷ VNĐ	n.a
10	EXS Capital	Sơn Kim Land	Mua lại cổ phần	37 triệu USD	n.a
11	ReCapital	NinhVan Bay	Phát hành riêng lẻ	n.a	48%
12	Quý đầu tư Warburg Pincus	Vingroup	Phát hành riêng lẻ	n.a	20%
13	CTCP Tập đoàn phát triển hạ tầng và BĐS Việt Nam (VIPD)	Vingroup	Chuyển nhượng dự án	9823 tỷ VNĐ	100%
14	Lotte	Tập đoàn Tokobuki	Chuyển nhượng	62 triệu USD	70%
15	Vingroup	Công ty Giải trí Hà Nội (Starbowl)	Mua lại	n.a	100%

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
16	Vingroup	Tân Liên Phát	Mua lại	3325 tỷ VNĐ	74.38%
17	Vingroup	Cty bất động sản Hồng Ngân	Mua lại	2316 tỷ VNĐ	99%
18	Vingroup	Công ty Metropolis	Mua lại	1622 tỷ VNĐ	100%
19	Vingroup	Công ty Khánh Gia (Vincom Thủ Đức)	Mua lại	784 tỷ VNĐ	94%
20	Vingroup	Công ty Riverview Đà Nẵng	Mua lại	182,2 tỷ VNĐ	90%
21	Vingroup	Công ty Xây dựng Vincom	Mua lại	120 tỷ VNĐ	100%
22	Vingroup	Cty Đại Dương Thăng Long	Mua lại	152 tỷ VNĐ	13.10%
23	CTCP Tập đoàn FLC	Dự án Alaska Garden City	Mua lại	3500 tỷ VNĐ	n.a
24	CTCP Tập đoàn FLC	Ion Complex Tower	Mua lại	2500 tỷ VNĐ	n.a
25	CTCP Tập đoàn FLC	The Lavender	Mua lại		n.a
26	Quý phát triển Đông Nam Á DBJ Nhật Bản	FECON	Phát hành riêng lẻ	195 tỷ VNĐ	n.a
27	Lotte	Tòa nhà Dimond Plaza	Mua lại	n.a	70%

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Hộp2: Bùng nổ M&A bất động sản tại Tp.HCM

Năm 2014, giao dịch M&A diễn ra đa phần giữa các tập đoàn trong nước, liên doanh chủ yếu là Việt - Nga đầu tư nhiều vào khu miền Trung, còn lại đa phần nhà đầu tư nước ngoài đang chờ đợi thời cơ.

2014 sôi động

Ở mảng bán lẻ đã diễn ra rất nhiều thương vụ trong năm qua như Berli Jucker (Thái Lan) đã hoàn tất thương vụ mua lại Metro Cash & Carry Việt Nam với giá gần 900 triệu USD; Keppel Land (Singapore) mua một dự án của Công ty Tiến Phước với giá 26,7 triệu USD; Creed Group đầu tư 600 tỷ đồng vào dự án City Gate Towers. Ngoài ra, Creed Group cũng đã ký cam kết mua 50% cổ phần tại hai dự án khác là khu căn hộ NBB Garden II (11,51 ha) và NBB Garden III (8,16 ha).

Hàng loạt các thương vụ M&A của doanh nghiệp tại Tp.HCM diễn ra sôi động. Đơn cử, Novaland thu tóm tới 8 dự án gồm The Sun Avenue (quận

2), Lucky Palace (quận 6), Orchard Garden, Garden Gate (quận Phú Nhuận)... với tổng giá trị chuyển nhượng ước tính 10.000 tỷ đồng.

Địa ốc Phát Đạt cũng thu mua lại khu đất vàng trị giá hơn 500 tỷ đồng tại quận 5 của Công ty Đức Khải để phát triển dòng căn hộ cao cấp với thương hiệu The EverRich. Công ty Hòa Bình mua lại 3 dự án Green Park (Bình Tân), Soho River View Xô Viết Nghệ Tĩnh (Bình Thạnh) và Ascent (quận 2) với tổng giá trị hơn 650 tỷ đồng. Hưng Thịnh Land cũng vừa thu mua lại 9 dự án như Tân Hương Tower; 8X Đầm Sen; 8X Thái An; 8X Plus; 12 View... Tổng vốn đơn vị này dùng để mua dự án khoảng hơn 2.000 tỷ đồng, chiếm 40% trên tổng vốn M&A và đầu tư, xây dựng của doanh nghiệp trong 12 tháng qua (hơn 5.000 tỷ đồng).

Nguồn: CafeF.vn

2.2.3. Ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ

Lĩnh vực bán lẻ và ngành hàng tiêu dùng là những lĩnh vực luôn có hoạt động M&A diễn ra sôi nổi với nhiều thương vụ mua bán, sáp nhập có giá trị giao dịch lớn. Năm 2014, ngành sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu có tỷ trọng chiếm 21% tổng giá trị các thương vụ M&A tại Việt Nam³.

Bảng 3: Các thương vụ TTKT điển hình ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ (2012 - 2014)

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
1	Ezaki Glico (Nhật Bản)	Kinh Đô	Mua lại	34 triệu USD	10%
2	CTCP sữa Việt Nam (Vinamilk)	Driftwood Dairy (Mỹ)	Mua lại	7 triệu USD	70%
3	BJC Thái Lan	Family Mart	Mua lại	n.a	100%
4	Tập đoàn đầu tư KKR	Masan Consumer	Mua lại	220 triệu USD	
5	Masan Consumer	Nước khoáng Vĩnh Hảo	Mua lại	550 tỷ USD	75%
6	Đường Biên Hòa	Đường Ninh Hòa	Sáp nhập	1238 tỷ VNĐ	100%
7	Kinh Do	Vocarimex	Mua lại	15 triệu USD	24%

³ Thông tin Tài chính số 6 kỳ 2 tháng 3/2015

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
8	Masan Group	Masan Agri	Mua lại	2746 tỷ VNĐ	100%
9	Đại Tân Long (Cty con của VinaCapital)	Công ty Bao bì Minh Việt (Mivipack)	Mua lại	500 tỷ VNĐ	n.a
10	Masan Food	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex	Mua lại	240 tỷ VNĐ	32.8%
11	Vingroup	Ocean Mart	Mua lại	560 tỷ VNĐ	70%
12	Vingroup	Vinatex	Mua lại	552 tỷ VNĐ	10%
13	Power Buy	Nguyễn Kim	Mua lại	n.a	49%
14	Standard Chartered Private Equity (SCPE)	CTCP TM&DV Cổng Vàng (Golden Gate)	Mua lại	35 triệu USD	n.a
15	Vingroup	Công ty TNHH MTV TM và Thời trang Việt Nam Vinatexmart	Mua lại	n.a	100%
16	Masan Group	Công ty Thực phẩm dinh dưỡng Sài Gòn (SNF)	Mua lại	200 tỷ VNĐ	100%

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Hộp 3: Ocean Mart bán cho Vingroup, đổi tên thành VinMart

Gia nhập thị trường bán lẻ Việt Nam từ tháng 9/2011, Ocean Mart - chuỗi siêu thị thuộc quản lý của Công ty Bán lẻ và Quản lý bất động sản Đại Dương (Ocean Retail) - trực thuộc tập đoàn Đại Dương (Ocean Group) là một trong những đơn vị chăm chỉ phát triển mạng lưới khi 3 năm đã mở 13 siêu thị, cửa hàng tiện ích.

Song hành với đó, mảng bán lẻ cũng đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Ocean Group. Năm 2013, doanh thu của Ocean Retail đạt hơn 1.120 tỷ đồng, tăng 20 lần so với năm 2012 và đứng thứ hai trong các mảng kinh doanh của tập đoàn, chỉ sau ngân hàng. Tuy nhiên, do chi phí mở rộng lớn, lợi nhuận trong năm của công ty chỉ còn 9,15 tỷ đồng, giảm 80% so với năm trước, thấp nhất so với bất động sản, chứng khoán, ngân hàng.

Trước bối cảnh này, Ocean Group quyết định tái cơ cấu và rút khỏi mảng bán lẻ để tập trung nguồn lực cho tài chính và bất động sản. "Thị trường Việt Nam còn nhiều room cho tất cả các ngành kể cả bán lẻ, khách sạn hay ngân hàng phát triển. Nhưng thời gian là vấn đề quan trọng, chúng tôi phải quyết định dứt khoát để tái cơ cấu, thu hẹp lĩnh vực kinh doanh, bây giờ đi bằng quá nhiều chân sẽ không làm nổi", ông Dương Trọng Nghĩa - Tổng giám đốc Ocean Group chia sẻ

với VnExpress ít ngày sau khi chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Ocean Retail cho đối tác khác.

Theo đó, 70% cổ phần của nhà bán lẻ này sẽ được bán cho Tập đoàn Vingroup, một đơn vị cũng đang có tham vọng lớn trong lĩnh vực tiêu dùng. Không tiết lộ giá trị thương vụ, song theo ông Dương Trọng Nghĩa, vụ chuyển nhượng có lợi cho cả hai bên vì Ocean Group có lãi, trong khi Vingroup có bàn đạp để thực hiện nhanh hơn kỳ vọng của họ ở thị trường bán lẻ.

Phía chủ mới cho hay, sau khi vụ chuyển nhượng hoàn tất, Ocean Retail sẽ đổi tên thành Công ty Siêu thị VinMart, đồng nghĩa với thương hiệu OceanMart sẽ được cải tiến, nâng cấp thành hệ thống VinMart. Dự kiến đến năm 2017, VinMart sẽ có khoảng 100 siêu thị và 1.000 cửa hàng tiện ích trên cả nước.

Trước đó, Vingroup đã tấn công thị trường bán lẻ từ năm 2013 với chuỗi trung tâm mua sắm dành cho trẻ em và hiện cũng có công ty chuyên về mảng này là Vincom Retail. Ngoài ra, tập đoàn này cũng góp vốn thành lập công ty chuyên kinh doanh thương mại điện tử VinE-Com và VinFashion hoạt động trong lĩnh vực thời trang...

Nguồn: VnExpress.net

2.2.4. Một số ngành, lĩnh vực khác

Một trong các ngành khác diễn ra hoạt động M&A khá sôi động đó là ngành năng lượng với khoảng 18% tổng giá trị M&A trong bảng xếp hạng M&A năm 2014. Trong đó, Công ty Cổ phần Cơ điện (REE) là một thương hiệu nổi trội trong lĩnh vực này và hiện đang sở hữu cổ phần chi phối tại nhiều doanh nghiệp thủy điện và nhiệt điện. Danh mục đầu tư của REE hiện có rất nhiều doanh nghiệp lớn của các ngành than, nhiệt điện, thủy điện như PPC (Nhiệt điện Phả Lại), TBC (Thủy điện Thác Bà), TMP (Thủy điện Thác Mơ), NBC (Than Núi Béo), TDN (Than Đào Nai), TDW (Cấp nước Thủ Đức), NBP (Nhiệt điện Ninh Bình), THT (Than Hà Tu), TVD (Than Vàng Danh)...

Bảng 4: Các thương vụ TTKT điển hình trong nhóm ngành khác (2012 – 2014)

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
1	Quý đầu tư TPG (Mỹ)	Masan Agriculture	Mua lại	50 triệu USD	49%
2	Nước khoáng Vĩnh Hảo	CTCP TMDV&SX Krongpha	Mua lại	53 tỷ VNĐ	100%
3	Tập đoàn Richard Chandler (Singapore)	Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ	Mua lại	2000 tỷ VNĐ	80%
4	Tập đoàn Thiên Minh Travel	Hàng không Hải Âu	Mua lại	54 tỷ VNĐ	89%
5	CTCP giấy Sài Gòn (SGP)	Tập đoàn giấy Daio Paper Corporation (Nhật)	Mua lại	n.a	48%
6	Công ty UPS	CTCP chuyển phát nhanh Bưu điện (VNPost Express)	Mua lại	n.a	100%
7	REE	Thủy điện Thác Bà	Mua lại	n.a	38.56%

STT	Công ty M&A	Công ty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A
8	CTCP xuyên Thái Bình Dương (Pan Pacific)	Cty Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF)	Mua lại	34 tỷ VNĐ	23.03%
9	CTCP đầu tư F.I.T	CTCP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (TSC)	Mua lại	3.5 triệu USD	49%
10	CTCP xuyên Thái Bình Dương (Pan Pacific)	CTCP giống cây trồng Trung ương (Vinaseed-NSC)	Mua lại	>320 tỷ VNĐ	53.20%
11	Đài tiếng nói Việt Nam (VOV)	Đài truyền hình VTC	Sáp nhập	n.a	n.a
12	Nhóm Mua	Cùng Mua	Sáp nhập	n.a	100%
13	MOL Access Portal Sdn. Bhd (MOL) (Malaysia)	Peasoft (Ngân Lượng)	Mua lại	n.a	50%
14	Navigos	Vietnamworks	Mua lại	512 tỷ VNĐ	89.80%
15	FPT	Cty RWE IT Slovakia (đơn vị thành viên của Tập đoàn RWE)	Mua lại	n.a	100%
16	FPT	CTCP VNG	Mua lại	5 -10 tỷ VNĐ	100%

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Hộp 4: UPS mua lại 49% cổ phần của VNPost Express

Ngày 19/3/2013, Chuyển phát nhanh UPS vừa thông báo đã mua lại 49% cổ phần của VNPost Express trong liên doanh giữa 2 công ty, trở thành hãng chuyển phát toàn cầu đầu tiên sở hữu 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

Cùng với 3 nhà khai thác bưu chính có mạng lưới toàn cầu khác là DHL (Đức), TNT (Hà Lan) và FedEx (Mỹ), hãng chuyển phát nhanh UPS của Mỹ đã tham gia vào thị trường Việt Nam từ những năm đầu thập niên 1990 theo hình thức hợp tác với doanh nghiệp bưu chính trong nước để mở đại lý thu gom, phát hàng. Năm 2010, UPS đã liên doanh với Công ty CP chuyển phát nhanh Bưu điện (VNPost Express) để thành lập ra Công ty cổ phần UPS Việt Nam, với cơ cấu góp vốn đầu tư là 51% vốn của UPS và 49% vốn của VNPost Express. Đặt trụ sở chính tại TP.HCM và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 5/2010, Công ty UPS Việt Nam là trung tâm kết nối hoạt động kinh doanh các dịch vụ chuyển phát thư hàng, logistics của UPS tại Việt Nam.

Theo cam kết gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thị trường chuyển phát Việt Nam mở cửa hoàn toàn, cho phép sự tham gia của các doanh

NGHIỆP 100% vốn nước ngoài kể từ 11/01/2012. Như vậy, với việc UPS thông báo đã mua lại 49% cổ phần của VNPost Express trong liên doanh ngày 19/3/2013 vừa qua, Công ty UPS Việt Nam đã trở thành DN chuyển phát nhanh 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Bày tỏ sự vui mừng trước cơ hội mới này, ông Brendan Canavan, Chủ tịch khu vực Châu Á-Thái Bình Dương của hãng UPS cho biết, với việc sở hữu toàn bộ 100% vốn của Công ty UPS Việt Nam, các khách hàng của UPS tại thị trường Việt Nam sẽ được kết nối tốt hơn với thế giới thông qua mạng lưới toàn cầu của UPS.

Đại diện UPS cũng cho hay, nằm trong chiến lược phát triển toàn cầu, tại Việt Nam, UPS đã đầu tư trang thiết bị, công nghệ mới tại các trung tâm thương mại và công nghiệp trọng điểm trên khắp đất nước, bao gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Hải Dương và Bắc Ninh. Các trung tâm mới này được đặt tại những vị trí chiến lược trong khu vực kinh doanh chính, nơi có nhu cầu cao đối với các dịch vụ logistics.

Trong 2 năm qua, UPS còn có những đầu tư quan trọng khác tại Việt Nam, trong đó có việc giới thiệu dịch vụ Preferred LCL Ocean Freight, nhanh hơn 40% so với dịch vụ LCL (dịch vụ vận chuyển hàng lẻ bằng container-PV) truyền thống từ cảng TP.HCM tới Mỹ. Năm 2012, các giải pháp theo dõi và chuyển phát tăng cường như Internet Pickup và UPS Quantum View Manage cũng được cung cấp tại Việt Nam trên website UPS.com.

Theo TGD Công ty UPS Việt Nam Jeff McLean, góp mặt tại thị trường Việt Nam từ 1994, UPS đã cung cấp các giải pháp logistics cho các tập đoàn đa quốc gia, DN vừa và nhỏ. Sau khi nắm toàn bộ quyền sở hữu tại UPS Việt Nam, hãng chuyển phát này có thể linh hoạt hơn khi mở rộng hoạt động và tăng cường hợp tác với DN Việt Nam.

Nguồn: ICT News

Tóm lại, hoạt động mua bán, sáp nhập trong thời gian qua diễn ra chủ yếu trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, có các đặc điểm nổi bật sau:

- » Các thương vụ được diễn ra chủ yếu ở các công ty lớn, có tiềm lực tài chính và sức mạnh thị trường, bao gồm các tập đoàn lớn của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, các công ty của Việt Nam mua bán, sáp nhập với nhau;
- » Có sự tham gia của các quỹ đầu tư, các công ty tài chính trong vai trò tài trợ vốn cho các doanh nghiệp thực hiện mua bán, sáp nhập tại Việt Nam;
- » Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn đã thành lập các doanh nghiệp mới để thực hiện hoạt động mua bán, sáp nhập trên thị trường cho thấy hoạt động M&A ngày một diễn ra chuyên nghiệp theo hình thức tập trung kinh tế dạng hỗn hợp.

2.3. Tập trung kinh tế của các tập đoàn, DNNN

Việc sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã được Chính phủ Việt Nam tăng cường thực hiện trong suốt 15 năm qua, đến nay đã có hơn 4.000 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa. Năm 2015 là năm cuối của “Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã cổ phần hóa được 242 doanh

nghiệp; bán 06 doanh nghiệp; hợp nhất, sáp nhập 32 doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp nhà nước lớn đã IPO gồm Tập đoàn Dệt may, Phân bón Dầu khí Cà Mau, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Tổng công ty Khí Việt Nam, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Thép Việt Nam, Tổng công ty Viglacera, Tổng công ty Thiết bị điện,...

Theo kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa được Chính phủ phê duyệt thì trong giai đoạn 2014 - 2015 cả nước sẽ thực hiện cổ phần hóa 479 doanh nghiệp (chưa kể số sẽ bổ sung theo tiêu chí mới quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg), trong đó cổ phần hóa 432 doanh nghiệp; bán, giao, giải thể, phá sản 22 doanh nghiệp; sáp nhập, hợp nhất 25 doanh nghiệp. Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước tiếp tục thoái vốn đầu tư vào 05 lĩnh vực nhạy cảm là chứng khoán, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư. Nhìn chung, các doanh nghiệp được cổ phần hóa hầu hết có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, và đã có nhiều doanh nghiệp hoàn thành phát hành cổ phiếu lần đầu (IPO) trên các thị trường chứng khoán.

Trong thời gian tới, một số vụ việc cổ phần hóa DNNN lớn dự kiến sẽ diễn

ra như cổ phần hóa Vietnam Airlines, Mobifone, Sabeco, BIDV... Đặc biệt trong lĩnh vực GTVT, ngoài Vietnam Airlines còn có những DNNN có quy mô lớn cũng đang và sẽ được cổ phần hóa trong thời gian này như Vinalines, các công ty vận hành cảng biển, cảng hàng không lớn, Cienco 1, Cienco 4... Dự kiến đến hết năm 2015, sẽ chỉ còn 16 DNNN trong lĩnh vực công ích, gồm bảo đảm hàng hải, quản lý bay, đường sắt... Hầu hết các doanh nghiệp dự kiến phát hành thêm cổ phần để thu hút vốn thông qua các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Một xu hướng hiện nay đang bắt đầu và ngày càng rõ nét là không chỉ các doanh nghiệp nước ngoài mà các doanh nghiệp tư nhân lớn trong nước cũng hết sức quan tâm trong việc tham gia mua cổ phần và trở thành đối tác chiến lược khi các DNNN lớn được cổ phần hóa.

2.4. Tập trung kinh tế thông qua thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán là nơi diễn ra các giao dịch, mua bán, trao đổi các loại chứng khoán, là một bộ phận của thị trường tài chính. Thị trường chứng khoán có vai trò hết sức quan trọng trong việc huy động vốn và sử dụng vốn của nền kinh tế thị trường. Theo quy định của Luật Chứng khoán, cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối

với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Việc mua bán cổ phiếu giữa các công ty có thể là một dạng tập trung kinh tế.

Căn cứ theo khoản 3 điều 23 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định về điều kiện phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi, yêu cầu bắt buộc khi tiến hành phát hành cổ phiếu hoán đổi đó là phải có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh về việc hợp nhất, sáp nhập hoặc cam kết tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh. Việc đưa ra

yêu cầu này là phù hợp với các quy định về kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế của Luật Cạnh tranh và sẽ giúp cho cơ quan quản lý cạnh tranh có thể nắm bắt thông tin về các giao dịch mua bán, sáp nhập trên thị trường chứng khoán để có thể quản lý tốt hơn.

Theo thống kê của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, giai đoạn 2012 - T6/2014, có 18 giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Bảng 5: Các doanh nghiệp thực hiện hoán đổi cổ phiếu trên TTCK (2012 – 6T/2014)

STT	Tên DN phát hành cổ phiếu hoán đổi	Tên DN được hoán đổi	Ghi chú
1	CTCP Licogi 166	CTCP Licogi 169	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
2	CTCP Sông Đà 6	CTCP Sông Đà 605	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
3	CTCP Thép Việt Ý	CTCP Luyện thép Sông Đà	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập

STT	Tên DN phát hành cổ phiếu hoàn đổi	Tên DN được hoán đổi	Ghi chú
4	CTCP Tập đoàn thép Tiến Lên	CTCP Sản xuất và thương mại Phúc Tiến	CTCP sản xuất và thương mại Phúc Tiến chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV sau sáp nhập
5	CTCP Kinh Đô	CTCP Bánh kẹo Vinabico	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
6	CTCP Thủy điện Cần Thơ	CTCP Thủy điện Sông Rinh	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
7	Tập đoàn Vingroup - CTCP	CTCP Đầu tư và Thương mại PFV	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
8	CTCP thiết bị y tế Việt Nhật (**)	CTCP KMS	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của cổ đông KMS
9	CTCP Hưng Đạo Container	CTCP Cơ khí vận tải thương mại Đại Hưng	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
10	CTCP Sông Đà 11	CTCP Sông Đà 11-Thăng Long	CTCP Sông Đà 11 - Thăng Long chuyển đổi thành CT TNHH MTV sau sáp nhập

STT	Tên DN phát hành cổ phiếu hoàn đổi	Tên DN được hoán đổi	Ghi chú
11	CTCP SOMECO Sông Đà	STCP Someco Hòa Bình	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
12	CTCP Sông Đà 9	CTCP Sông Đà 9.01	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
13	CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội	CTCP Cơ điện Hà Nội	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
14	NH TMCP Phát triển TP.HCM	NH TMCP Đại Á	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
15	CTCP Đầu tư Phan Vũ	CTCP SX cấu kiện Bê tông Phan Vũ	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
		CTCP Bê tông Phan Vũ Cần Thơ	
16	CTCP Chứng khoán Ngân Hàng Quân đội	CTCP Chứng Khoán VIT	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
17	CTCP Chứng khoán Quốc Tế	CTCP chứng khoán Đại Tây Dương	Hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Trong số 17 vụ việc nêu trên, chỉ có 06 giao dịch gửi Công văn đến Cục QLCT đề nghị ra văn bản theo quy định tại Khoản 3 điều 23 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

Các vụ việc nêu trên chủ yếu diễn ra giữa các công ty trong nước theo hình thức hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng sáp nhập. Các vụ việc được thông báo tới Cục QLCT đều là những vụ việc có quy mô nhỏ, hoạt động sáp nhập nhằm tái cấu trúc vốn chủ sở hữu.

Tuy nhiên, trên thực tế các vụ việc chào mua công khai cổ phiếu trên sàn chứng khoán diễn ra khá sôi động và phức tạp, tiềm ẩn trong đó mục tiêu thâm tóm doanh nghiệp.

Hộp 5: Vụ việc HVG mua VTF và AGF

Một trong những vụ việc TTKT điển hình là vụ việc Công ty cổ phần Hùng Vương (Thủy sản Hùng Vương - HVG) đã chào mua thành công số lượng cổ phiếu đã chào mua công khai của hai công ty là Công ty cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng (VTF) và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF). Theo đó, tháng 5/2014 HVG đã mua thành công 2,5 triệu cổ phiếu của VTF, tương đương 100% số lượng cổ phiếu chào mua, nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ lên 25,76 triệu đơn vị (61,21% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty này. Tương tự, HVG đã chào mua thành công 6 triệu đơn vị cổ phiếu của AGF, nâng số lượng cổ phần sở hữu của HVG tại AGF lên 19,13 triệu đơn vị, tương đương 74,89% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của AGF. Đáng lưu ý là HVG đã chào mua công khai cổ phiếu VTF

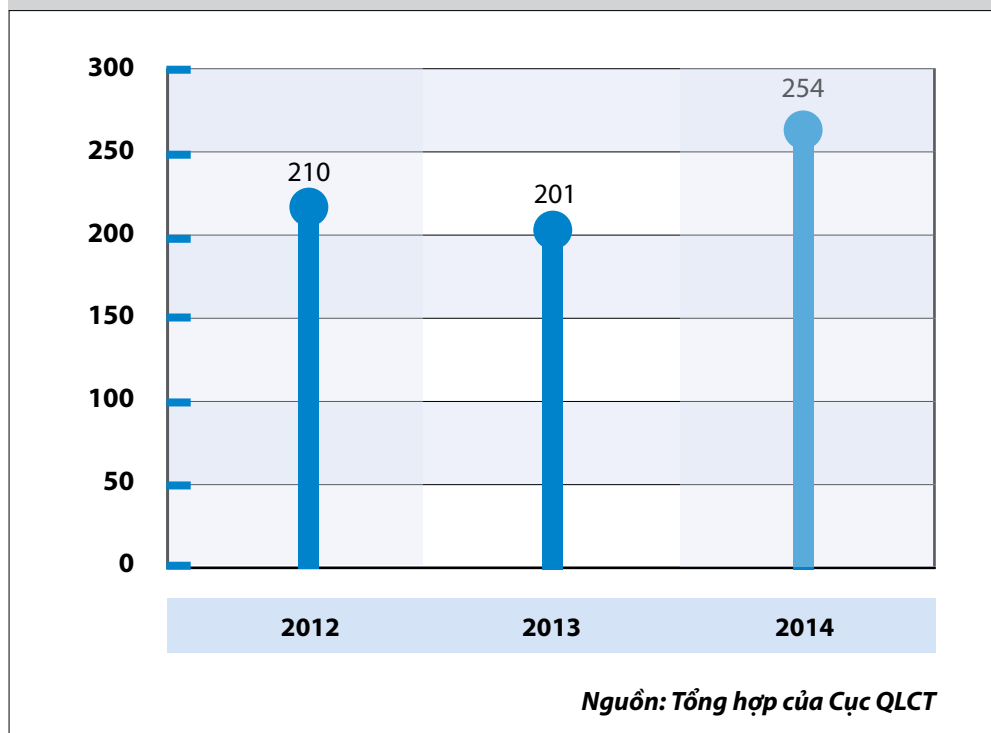
và AGF với giá cao hơn mức giá thị trường của hai cổ phiếu này tại thời điểm chào mua. Hơn nữa quá trình HVG thu mua công ty AGF đã diễn ra trong một giai đoạn dài. Tháng 9/2008, HVG tuyên bố nắm giữ 2,45 triệu cổ phiếu, tương đương 19,15% vốn điều lệ và trở thành cổ đông lớn của AGF. Đến tháng 3/2010, HVG đã chào mua thành công 6,568 triệu cổ phần AVG, tương đương 51,08% vốn điều lệ công ty và AGF sẽ trở thành công ty con của HVG. Điều này cho thấy chủ ý thâm tóm hai doanh nghiệp nêu trên của HVG rất rõ ràng.

Với việc nắm giữ số lượng cổ phiếu áp đảo như trên HVG đã “kiểm soát”, “chi phối” toàn bộ hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại. Và đây là trường hợp tập trung kinh tế theo hình thức sáp nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật Cạnh tranh.

2.4. Tập trung kinh tế theo thay đổi đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đầu tư

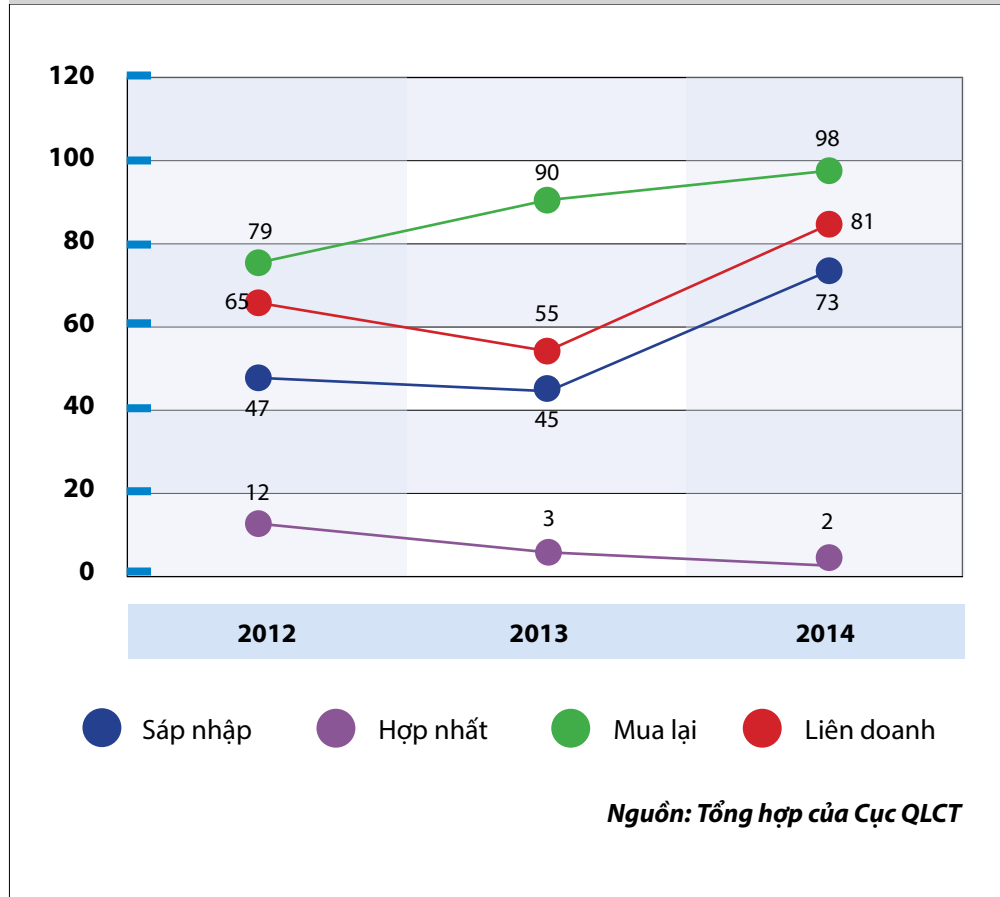
Theo số liệu được Cục Quản lý cạnh tranh thu thập từ các Sở Kế hoạch - Đầu tư và các Ban Quản lý KCN – KCX tại các tỉnh thành phố trên toàn quốc, giai đoạn 2012 - 2014 có 665 vụ việc thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh do nguyên nhân tập trung kinh tế với số lượng doanh nghiệp tham gia là 1.548 doanh nghiệp.

Hình 3: Số lượng vụ việc TTKT thay đổi đăng ký kinh doanh 2012 - 2014



Các vụ việc tập trung kinh tế theo đăng ký kinh doanh trong giai đoạn vừa qua có xu hướng gia tăng so với giai đoạn trước (Giai đoạn 2009 - 2011 có 368 vụ) và ổn định trong ba năm qua. Trong đó việc TTKT diễn ra chủ yếu dưới ba hình thức: mua lại, liên doanh và sáp nhập doanh nghiệp, hình thức hợp nhất doanh nghiệp ít được thực hiện.

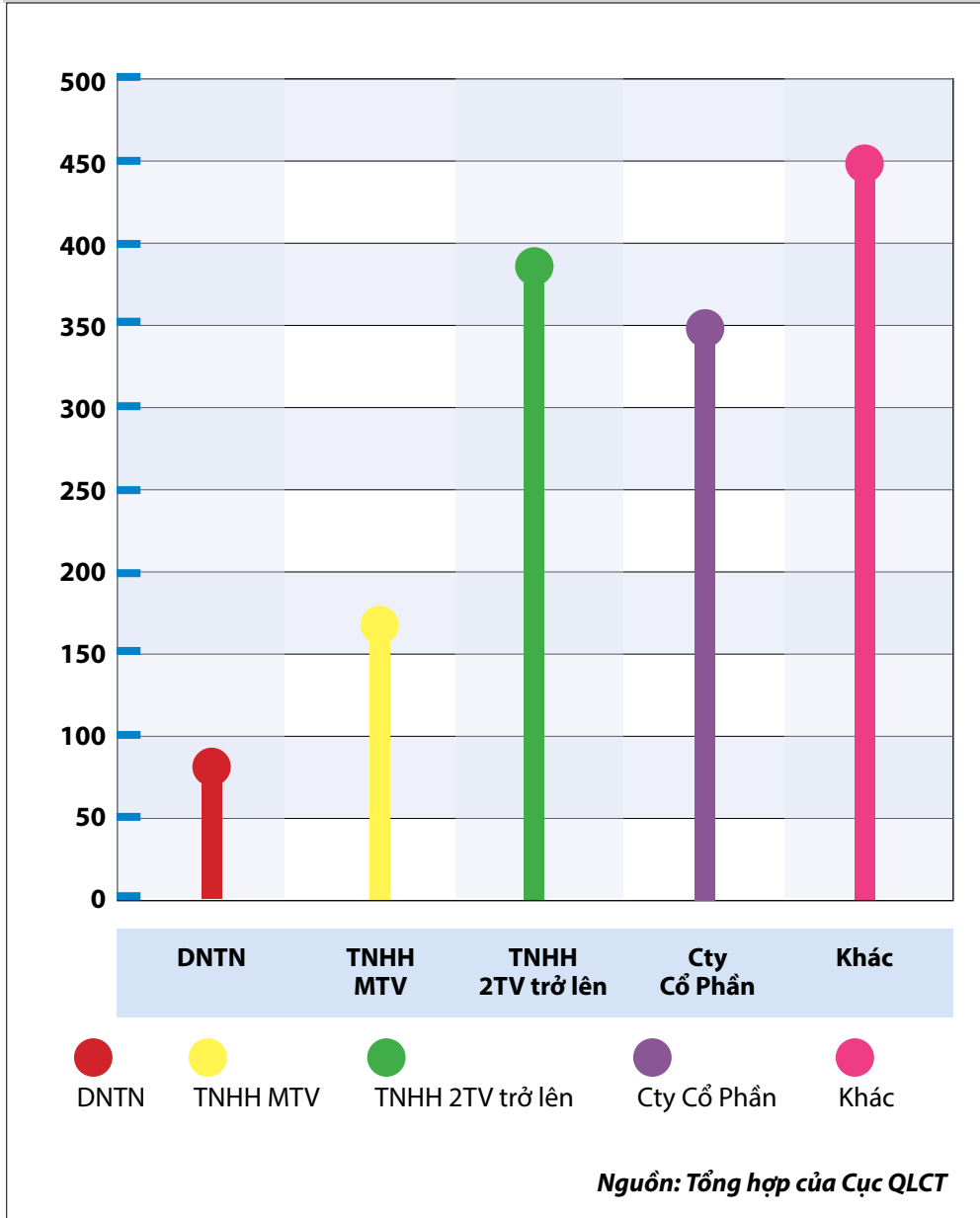
Hình 4: Các loại hình TTKT theo thay đổi đăng ký kinh doanh/GCNDT 2012 - 2014



Về mặt chủ thể, trong số 1.548 doanh nghiệp tham gia TTKT theo đăng ký kinh doanh, có khoảng 460 doanh nghiệp FDI, chủ yếu trong số đó tham gia TTKT theo hình thức liên doanh với các doanh nghiệp của Việt Nam.

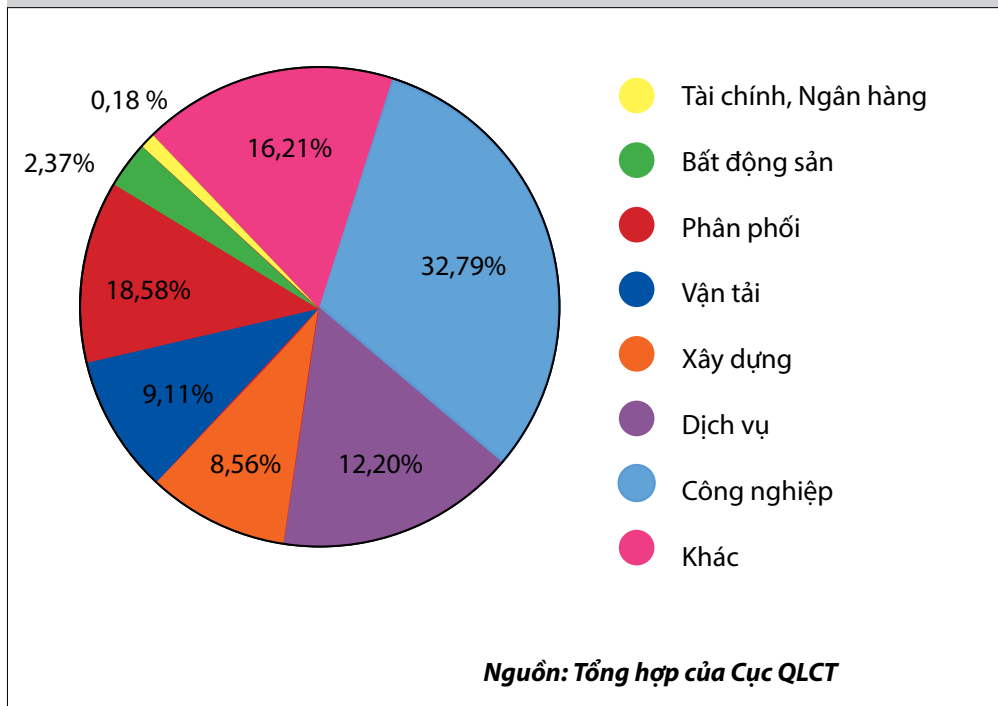
Ngoài ra, các doanh nghiệp tham gia TTKT bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau như trong Hình 5 dưới đây.

Hình 5: Thành phần doanh nghiệp tham gia TTKT theo ĐKKD/GCNĐT 2012 - T6/2014



Về lĩnh vực diễn ra nhiều vụ việc TTKT theo thay đổi ĐKKD, lĩnh vực dịch vụ chiếm đa số như dịch vụ phân phối, dịch vụ logistics, tiếp đó là lĩnh vực công nghiệp như sản xuất hàng may mặc, chế biến thực phẩm, khai khoáng...

Hình 6: Thống kê TTKT theo lĩnh vực, ngành nghề thay đổi ĐKKD giai đoạn 2012 - 2014



Xét theo địa phương thì thành phố Hồ Chí Minh là nơi có nhiều trường hợp thay đổi đăng ký kinh doanh do nguyên nhân tập trung kinh tế nhất với 186 vụ được ghi nhận trong giai đoạn 2012 - 2014, vượt xa địa phương có số lượng tập trung kinh tế thứ 2 trong toàn quốc là An Giang (với 93 vụ). Điều này cũng phù hợp với một thực tế là TP HCM là địa phương luôn dẫn đầu cả nước về số lượng doanh nghiệp hoạt động, thu hút đầu tư nước ngoài cũng như rất nhiều doanh nghiệp đăng ký tại đây có phạm vi hoạt động là toàn quốc. Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM cũng là nơi mà nhiều thương vụ M&A thường được tiến hành.

Hình 7: Các tỉnh, thành phố có nhiều vụ việc TTKT giai đoạn 2012 - 2014

STT	Tỉnh/Thành phố	Số vụ TTKT
1	Thành phố Hồ Chí Minh	186
2	An Giang	93
3	Vĩnh Long	28
4	Hà Nội	24
5	Hải Phòng	22
6	Bắc Ninh	19
7	Long An	18
8	Bình Định	15
9	Hải Dương	13
10	Đắk Lắk	11
	Bình Phước	11

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

CHƯƠNG II

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG TẬP TRUNG KINH TẾ

1. Các văn bản QPPL mới được ban hành

1.1 Quy định kiểm soát TTKT của pháp luật cạnh tranh

Kể từ khi ban hành Luật Cạnh tranh và các nghị định hướng dẫn thi hành năm 2005, đã có hai văn bản mới được ban hành nhằm tăng hiệu quả thực thi của Luật, gồm Nghị định số 119/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh, và gần đây là Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2014 thay thế Nghị định 120/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh.

Trong năm 2014, Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2014 được ban hành thay thế cho Nghị định 120/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh. Trong đó, quy định về hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế được sửa đổi theo hướng nâng cao mức phạt đối với các hành vi vi phạm. Kể từ khi ban hành Luật Cạnh tranh đến nay, chưa có vụ việc tập trung kinh tế nào bị xử phạt do không tiến hành thông báo hoặc thuộc trường hợp bị cấm mà vẫn thực hiện. Rất nhiều vụ việc tập trung kinh tế có quy mô lớn trên thị trường chưa tuân thủ pháp luật thực hiện thông báo theo quy định đến Cục Quản lý cạnh tranh. Do đó, dưới góc độ pháp luật cạnh tranh, để giám sát hiệu quả hơn các giao dịch tập trung kinh tế trên thị trường, các quy định về chế tài xử phạt cần đủ mạnh để các doanh nghiệp có thể nhận thức hậu quả nếu vi phạm.

Theo quy định tại Điều 25 đến Điều 29 Nghị định 120/2005/NĐ-CP, các biện pháp xử phạt trong lĩnh vực tập trung kinh tế bao gồm các mức phạt tiền tùy theo hành vi vi phạm và mức độ nghiêm trọng của hành vi. Theo đó, phạt tiền đến 5% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với sáp nhập, hợp nhất, mua lại liên doanh bị cấm; phạt tiền từ 5%

đến 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với sáp nhập, mua lại bị cấm trong trường hợp có dấu hiệu chèn ép, buộc doanh nghiệp khác phải sáp nhập hoặc bán toàn bộ hoặc một phần tài sản; phạt tiền từ 5% đến 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế đối với hợp nhất, liên doanh bị cấm trong trường hợp làm tăng giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường liên quan một cách đáng kể; phạt tiền từ 1 đến 3% tổng doanh thu trong năm tài chính trước khi tiến hành tập trung kinh tế trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, theo quy định mới tại Nghị định 71/2014/NĐ-CP, **tất cả các hành vi vi phạm Điều 18 và 20 Luật Cạnh tranh trên đều có thể bị xử phạt lên đến 10% tổng doanh thu** năm tài chính trước đó của các doanh nghiệp vi phạm⁴. Bên cạnh các hình thức phạt nêu trên, doanh nghiệp có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả như: bị buộc thực hiện chia tách các doanh nghiệp đã sáp nhập, hợp nhất; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bị buộc phải bán tài sản đã mua.

1.2. Quy định kiểm soát TTKT của luật chuyên ngành

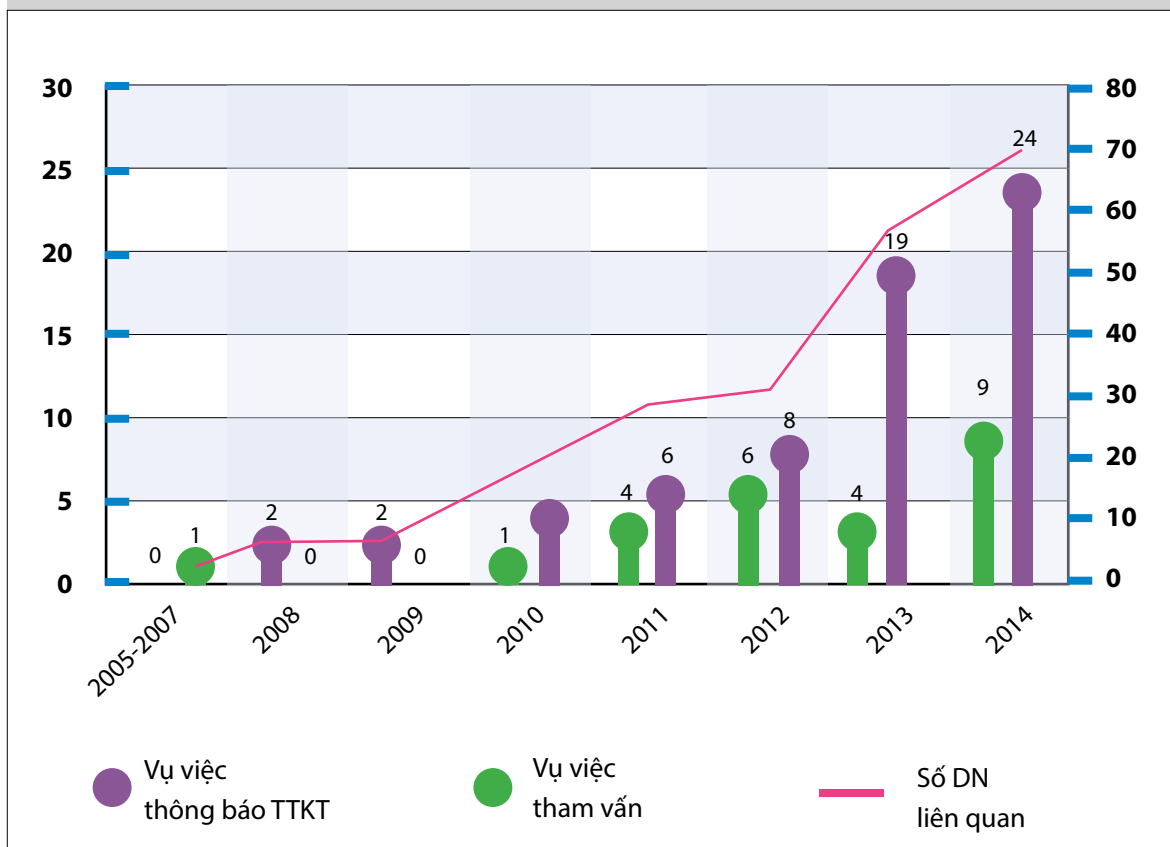
Thời gian vừa qua cũng đã có rất nhiều văn bản QPPL trong các ngành, lĩnh vực được ban hành trong đó có các quy định về kiểm soát TTKT trong các pháp luật chuyên ngành như quy định về TTKT như Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Đầu tư 2014, quy định về chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực hàng không (theo quy định tại Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung). Chi tiết về sự tương thích, những mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định về kiểm soát TTKT trong pháp luật cạnh tranh và pháp luật chuyên ngành được phân tích trong Phụ lục 1 của Báo cáo.

⁴ Điều 23 đến Điều 27 Nghị định 71/2014/NĐ-CP

2. Các vụ việc thông báo và tham vấn TTKT tới Cục QLCT

Trong 5 năm gần đây, tăng trưởng hoạt động TTKT tại Việt Nam đạt mức bình quân trên 30%. Thực trạng này đã phản ánh một nền kinh tế mở với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế và hệ quả là việc gia tăng các hoạt động TTKT như một thực tế khách quan. Tuy nhiên, hoạt động TTKT cũng tiềm ẩn những yếu tố hình thành các doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh và có thể gây ảnh hưởng tới môi trường cạnh tranh. Chính vì vậy, trong thời gian qua, Cục QLCT đã tích cực thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát và kiểm soát hoạt động TTKT để ngăn chặn kịp thời và giảm thiểu tác động tiêu cực của một số giao dịch TTKT tới thị trường. Trong giai đoạn 2012 - 2014, Cục QLCT đã thụ lý 19 vụ việc thông báo TTKT và rất nhiều vụ việc tham vấn về TTKT trước và trong quá trình các doanh nghiệp thực hiện TTKT.

Hình 8: Số vụ việc thông báo TTKT giai đoạn 2005 - 2014



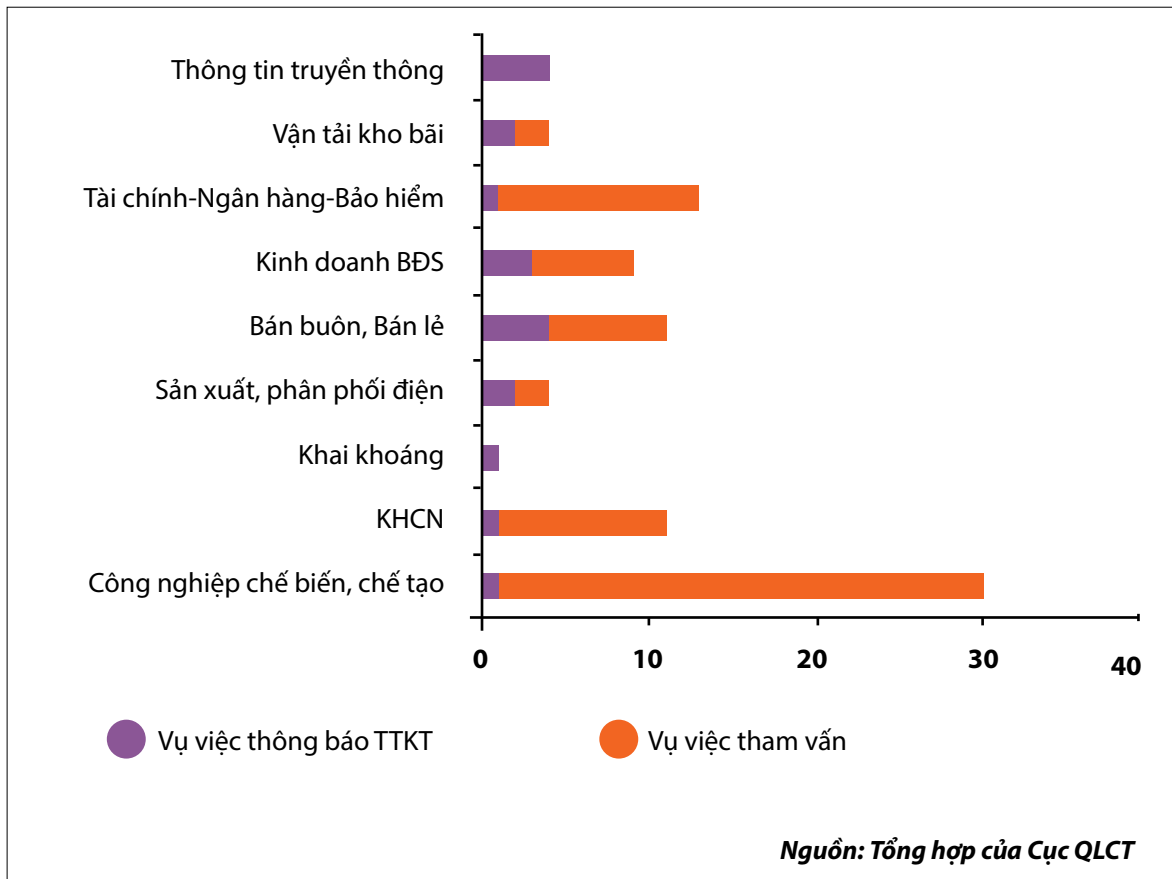
Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

Cho tới nay, Cục QLCT đã phê chuẩn tất cả các vụ việc TTKT được thông báo và có 01 vụ việc thuộc trường hợp bị cấm nhưng đáp ứng điều kiện cho hưởng miễn trừ theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Trong số các vụ việc TTKT đã được Cục QLCT xem xét nêu trên, các vụ việc TTKT theo hình thức sáp nhập và mua lại doanh nghiệp chiếm đa số.

Phân loại theo nhóm ngành nghề kinh doanh cho thấy, hoạt động mua bán sáp nhập tại Việt Nam trong thời gian qua tập trung trong một số nhóm ngành chính như công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống; phân phối bán lẻ, kinh doanh bất động sản và thông tin truyền thông.

Hình 9: Phân loại các vụ việc TTKT theo nhóm ngành nghề



Các doanh nghiệp tham gia TTKT thuộc mọi thành phần kinh tế, từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, liên doanh đến doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhưng chủ yếu là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành, lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới. Trong số các vụ việc thông báo và tham vấn TTKT tới Cục QLCT có nhiều vụ việc tập trung kinh tế lớn, diễn ra ở nước ngoài, nhưng các doanh nghiệp này có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, như PepsiCo - Suntory; A.P Moller - Maersk - A/S CMA CGM - S.A MSC Mediterranean Shipping Company SA...

Có thể nói thời gian gần đây số vụ việc thông báo TTKT và tham vấn TTKT đã tăng lên đáng kể bởi các lý do sau:

- » Thứ nhất, do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cạnh tranh của Cục được đẩy mạnh, các doanh nghiệp đã có nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cạnh tranh tốt hơn thời gian trước đây.
- » Thứ hai, đã có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan và Cục QLCT trong việc kiểm soát hoạt động TTKT từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội ngành nghề...

» Thứ ba, do có sự chuyển dịch về phương thức đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, nhiều doanh nghiệp lựa chọn phương thức đầu tư thông mua hoạt động mua bán, sáp nhập nhằm tiết kiệm nguồn lực, dễ dàng thâm nhập thị trường và giảm thiểu các rào cản gia nhập thị trường. Đa phần các vụ việc TTKT có một bên là doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có ý thức tuân thủ quy định thông báo TTKT của Luật Cạnh tranh.

3. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao

Luật Cạnh tranh sử dụng tiêu chí thị phần để kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế. Trường hợp thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia chiếm dưới

30% trên thị trường liên quan thì việc tập trung kinh tế chưa có khả năng tạo ra vị trí thống lĩnh cho doanh nghiệp hình thành sau khi tập trung. Lúc này, việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại hay liên doanh chỉ là các biện pháp cơ cấu lại kinh doanh hoặc đầu tư vốn bình thường nên chưa chứa đựng những nguy cơ đe dọa đến trật tự cạnh tranh trên thị trường. Trường hợp thị phần kết hợp chiếm từ 30% - 50% trên thị trường liên quan, các bên tham gia TTKT sẽ phải thông báo tới Cục QLCT. Trường hợp thị phần kết hợp của các bên tham gia chiếm trên 50% thì tập trung kinh tế sẽ bị cấm để đảm bảo không hình thành các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền trên thị trường (trừ trường hợp miễn trừ theo quy định của Luật Cạnh tranh).

Thị phần cũng là tiêu chí để xác định mức độ tập trung trên thị trường. Dựa vào mức độ tập trung trên thị trường có thể xác định các ngành, lĩnh vực tiềm

ẩn nhiều nguy cơ thuộc đối tượng kiểm soát TTKT.

3.1. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao căn cứ theo chỉ số CR

Số lượng các ngành, lĩnh vực có chỉ số nhóm ba doanh nghiệp dẫn đầu thị trường (CR3) vẫn đang trong tiến trình giảm dần. Theo Báo cáo TTKT 2011, số lượng ngành có nhóm 3 doanh nghiệp dẫn đầu giảm từ 18% năm 2008 xuống còn 14% năm 2010 và đến năm 2013 xuống còn 9%.

Mặt khác, Cục QLCT cũng đảm nhiệm chức năng, nhiệm vụ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo tiêu chí thị phần. Vì vậy, hàng năm Cục QLCT đều tiến hành xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu này, số liệu năm 2013 như sau:

Bảng 6: Các Ngành/lĩnh vực có mức độ tập trung CR3 cao nhất năm 2013

STT	Ngành/ lĩnh vực	CR3
1	Vận tải hàng không nội địa	99.53%
2	Dịch vụ truy cập Internet băng rộng ⁵	96.43% (*)
3	Viễn thông di động ⁶	92.71% (*)
4	Sản xuất bình nước nóng	90.54%
5	Chế biến và bảo quản dầu thực vật	79.70%
6	Sản xuất xe máy	78.07%
7	Bảo hiểm nhân thọ	76.84%
8	Sản xuất đồ uống không cồn	75.43%
9	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	73.77%
10	Phân phối xăng dầu	70.56%
11	Sản xuất bình ắc quy	66.23%
12	Cảng biển	65.11%

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT, (*)Theo chỉ số thuê bao

Ngoại trừ các ngành, lĩnh vực do Nhà nước nắm quyền chi phối như vận tải hàng không nội địa, phân phối xăng dầu, cảng biển... có rất nhiều ngành, lĩnh vực của nền kinh tế có mức độ tập trung của 3 doanh nghiệp lớn nhất thị trường (CR3) đạt trên 65%. Đây là các ngành kinh tế có số lượng doanh nghiệp tham gia không nhiều, tồn tại doanh nghiệp có quy mô lớn trong ngành. Hoạt động TTKT diễn ra trong các ngành có chỉ số CR3 trên 65% có khả năng thuộc ngưỡng thực hiện thông báo TTKT hoặc thuộc trường hợp bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

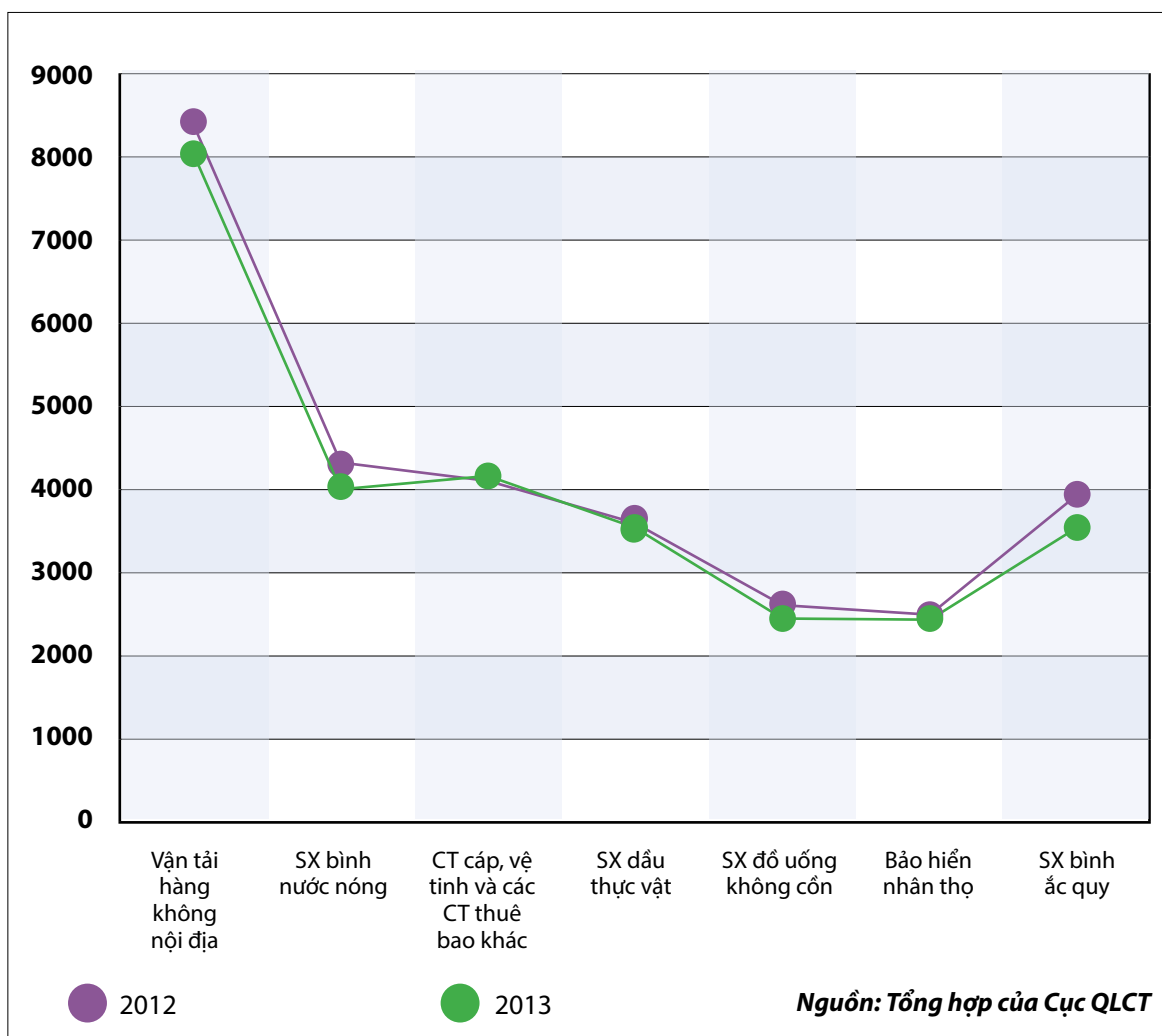
⁵ http://ict-industry.gov.vn/WhiteBook/sach_trang_2013.pdf

⁶ http://ict-industry.gov.vn/WhiteBook/sach_trang_2013.pdf

3.2. Các ngành, lĩnh vực có mức độ tập trung cao căn cứ theo chỉ số HHI

Tỷ lệ thuận với chỉ số tập trung của nhóm ba doanh nghiệp dẫn đầu thị trường (CR3), chỉ số HHI của các ngành, lĩnh vực cao nhất trong nền kinh tế cũng là những ngành có chỉ số CR3 cao.

Hình 10: Các ngành, lĩnh vực có HHI cao



Chỉ số HHI cũng đánh giá mức độ tập trung kinh tế nhưng không chỉ xem xét đến các doanh nghiệp đứng đầu như CR3 mà còn tính đến vị trí tương đối giữa các doanh nghiệp cùng hoạt động trên thị trường liên quan. Với những dữ liệu có được như trình bày ở trên, trong thời gian tới, những ngành có mức độ tập trung kinh tế cao xét theo cả chỉ số CR3 và HHI sẽ là những ngành cần được lưu ý và kiểm soát (vận tải hàng không nội địa, các dịch vụ viễn thông, dầu thực vật, sản xuất bình nước nóng, cáp, bảo hiểm nhân thọ,...)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KIỂM SOÁT TTKT TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Một số vụ việc điển hình

Như đã đề cập tại các Chương 1 và 2 của Báo cáo, hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam trong thời gian qua diễn ra rất sôi động và phức tạp. Dưới góc độ quản lý cạnh tranh, kiểm soát hoạt động TTKT được đặt ra nhằm các mục tiêu sau:

- » Thứ nhất, thực thi quy định của Luật Cạnh tranh về thẩm định các vụ việc TTKT phải thực hiện thủ tục thông báo TTKT trước khi tiến hành TTKT hoặc phải thực hiện xin hưởng miễn trừ đối với TTKT bị cấm.
- » Thứ hai, phát hiện các vụ việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp về kiểm soát TTKT theo quy định của Luật Cạnh tranh để kịp thời xử lý, bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng cho cộng đồng doanh nghiệp.

Trong những năm vừa qua, có rất nhiều vụ việc tập trung kinh tế diễn ra bao gồm cả những vụ việc đã được Cục QLCT thẩm định cũng như các vụ việc Cục QLCT đang giám sát và theo dõi quá trình thực hiện của các bên.

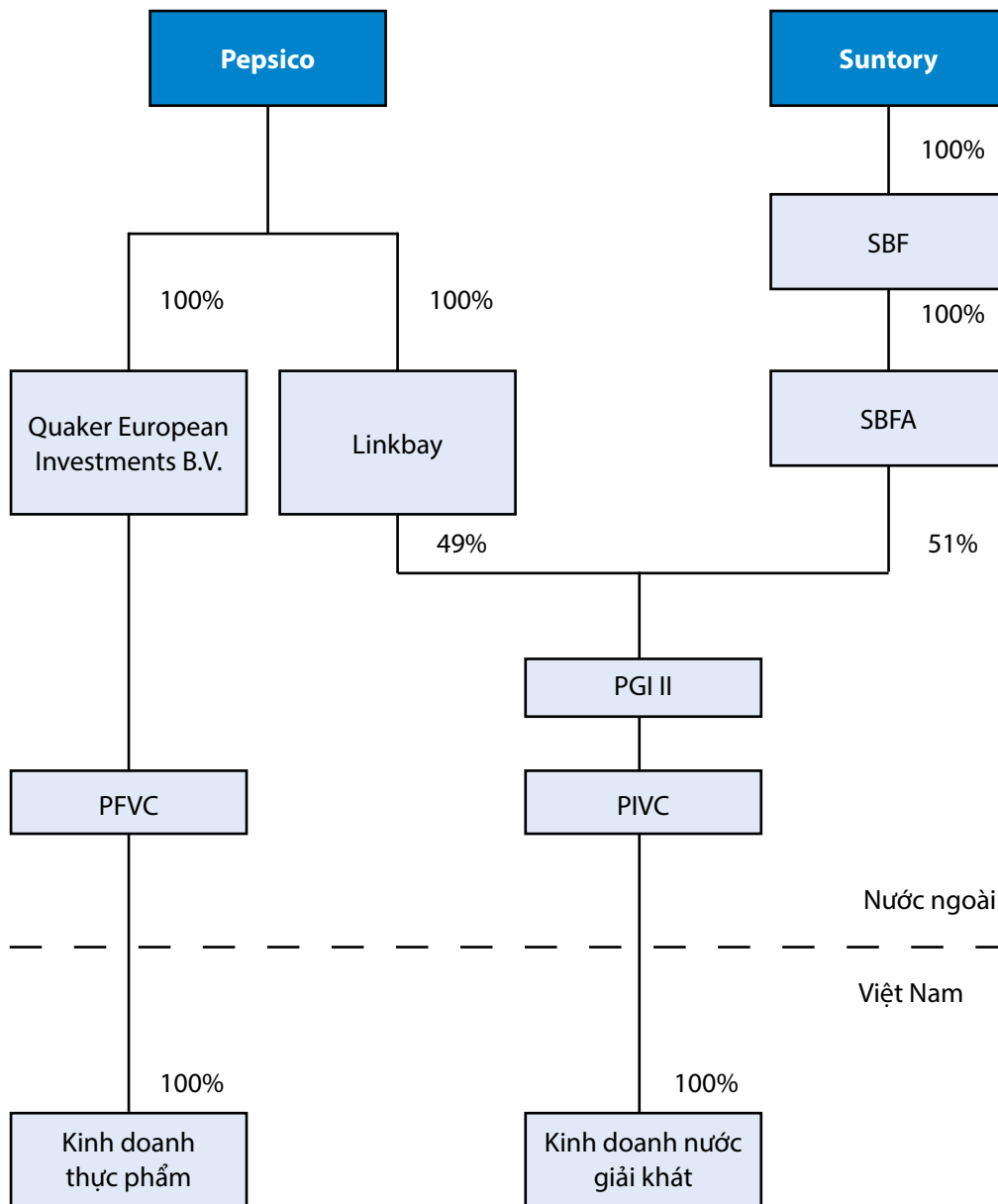
Dưới đây là các vụ việc đáng chú ý đã và đang diễn ra trong giai đoạn 2012 - 2014:

1.1. Vụ việc của Công ty PEPSICO

Tóm tắt vụ việc:

Công ty Suntory Beverage (SBF) và Công ty Food Asia Pte.Ltd (SBFA) là hai công ty hoạt động ở nước ngoài (Hà Lan và Singapore) đã mua lại 51% cổ phần trong Công ty PepsiCo Global Investment II B.V (PGI II) - công ty con của Linkbay, trực thuộc tập đoàn Pepsi Co. Tập đoàn Suntory Holdings Limited sở hữu hai công ty con là SBF và SBFA, tập đoàn này tiến hành giao dịch ở nước ngoài với PepsiCo để mua 51% cổ phần của PGI II. Đây là giao dịch của 2 tập đoàn diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (Xem sơ đồ mô tả dưới đây)

Hình 11: Giao dịch giữa Pepsico và Suntory



Tuy nhiên, PGI II là công ty nắm giữ 100% vốn góp của Công ty PepsiCo Việt Nam (PIVC), công ty này hoạt động kinh doanh thực phẩm và nước giải khát của PepsiCo tại Việt Nam. Như vậy là PepsiCo có công ty con tại Việt Nam, tức là có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (dẫn chiếu Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp về hoạt động kinh doanh). Sau khi thương vụ mua bán được hoàn tất, PIVC sẽ tách hoạt động kinh doanh thực phẩm để một công ty thực phẩm khác điều hành, PIVC chỉ hoạt động trong lĩnh vực nước giải khát.

Mặc dù Suntory không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng sản phẩm đồ uống của doanh nghiệp này vẫn có mặt và được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam (được nhập khẩu và phân phối vào thị trường Việt Nam).

Giao dịch mua lại được thực hiện ở nước ngoài nhưng cả hai doanh nghiệp đều có hoạt động ở Việt Nam nên vẫn thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cạnh tranh.

Vụ việc trên thuộc trường hợp mua lại theo quy định của pháp luật cạnh tranh (Điều 16, Luật Cạnh tranh; Điều 34 Nghị định 116/NĐ-CP). Thị trường liên quan là thị trường nước giải khát trên phạm vi toàn quốc. Căn cứ báo cáo thị phần do doanh nghiệp cung cấp, thị phần của PIVC năm 2010, 2011 lần lượt là 45,6% và 47,1% (số liệu của hai năm liên tiếp trước

giao dịch mua lại được thực hiện), thị phần của Suntory tương ứng là 0,2% và 0,3%. Như vậy, thị phần kết hợp của hai doanh nghiệp là 45,8% và 47,4%. Số liệu thị phần này nằm trong ngưỡng kiểm soát tập trung kinh tế (từ 30% đến 50%) nên doanh nghiệp có nghĩa vụ phải thực hiện thủ tục thông báo tập trung kinh tế. Trường hợp mua lại này không thuộc trường hợp bị cấm nên doanh nghiệp được làm thủ tục tập trung kinh tế tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Tác động tới cạnh tranh trên thị trường

sau giao dịch: Sau khi Suntory mua lại 51% cổ phần của Pepsico thì cấu trúc thị trường nước giải khát không thay đổi. Trên thị trường thì PIVC vẫn có vị trí dẫn đầu thị trường với cơ cấu sở hữu vốn: PepsiCo chiếm 49% cổ phần và Suntory chiếm 51% cổ phần. Mặt khác, thị trường nước giải khát là thị trường có mức độ cạnh tranh khá cao do có số lượng lớn doanh nghiệp tham gia trên thị trường này (134 doanh nghiệp), vì vậy giao dịch mua lại này cũng không tiềm ẩn những nguy cơ gây hạn chế cạnh tranh trên thị trường, Thực chất của việc mua lại này là thay đổi cơ cấu sở hữu vốn trong PIVC hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Công tác giám sát cạnh tranh năm 2013 - 2014 (sau thời điểm hoàn tất giao

dịch này) cho thấy PIVC hoạt động kinh doanh khá lành mạnh, tuân thủ pháp luật cạnh tranh, chưa xuất hiện hành vi phản cạnh tranh (Mặc dù có vị trí thống lĩnh nhưng doanh nghiệp không có hành vi lạm dụng vị trí này).

Về mặt tuân thủ pháp luật cạnh tranh:

Năm 2012, doanh nghiệp đã gửi hồ sơ tham vấn về vụ việc mua lại tới Cục Quản lý cạnh tranh. Bộ Hồ sơ có đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan như yêu cầu của Bộ Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế. Có thể thấy rằng, các doanh nghiệp nước ngoài có ý thức tuân thủ pháp luật cạnh tranh và chủ động tham vấn, thông báo vụ việc tập trung kinh tế của mình.

1.2. Vụ việc P3 (Ba hãng vận tải biển lớn)

Tóm tắt vụ việc:

Ngày 09 tháng 10 năm 2013, các doanh nghiệp vận tải biển lớn trên thế giới là Maersk, MSC và CMA CGM (Liên minh P3) đã ký một Thỏa thuận khung để thành lập một liên doanh vận hành (gọi là Network Centre – NC), với mục đích cung cấp các dịch vụ vận hành cho vận tải công-ten-nơ đường biển cho các công ty mẹ trên ba khu vực thương mại chính, cụ thể là các vùng Á-Âu, Xuyên Đại Tây Dương và Xuyên Thái Bình

Dương. Theo thỏa thuận này, NC sẽ được lập ra như một liên danh trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Vương Quốc Anh, với các văn phòng tại London và Singapore. NC được hình thành với tư cách là một thực thể pháp lý và tách biệt khỏi các Bên. Các Bên sẽ đóng góp cổ phần sở hữu căn cứ trên sức chứa của tàu của từng hãng. Cụ thể, Maersk chiếm 42,4%, MSC chiếm 34,4% và CMA-CGM chiếm 23,2%.

Tính đến thời điểm năm 2013, các Bên là các công ty vận tải đường biển quốc tế hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa bằng đường hàng hải và vận hành tàu biển. Cả ba Bên đều có những hoạt động tại Việt Nam và có tàu cập vào các bến cảng tại Việt Nam. Như vậy, việc hình thành NC của ba hãng vận tải biển trên là tập trung kinh tế theo hình thức liên doanh, thuộc đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh.

Về thị trường liên quan: Theo sự phân loại của các tàu container theo tuyến hiện nay trên thị trường có hai hình thức vận tải tàu container là tàu mẹ chạy tuyến dài (main line) và các tàu gom hàng từ các điểm đến cảng chính cho tàu mẹ (feeder). Theo thông lệ quốc tế và căn cứ theo quy định của Luật Cạnh tranh về xác định thị trường liên quan (xem xét thị trường của những dịch vụ

có thể thay thế cho nhau về đặc tính, mục đích sử dụng và giá cả), đối với trường hợp P3, thị trường liên quan là vận tải container bằng tàu mẹ chạy tuyến dài (main line), cụ thể là trên hai tuyến Á - Âu và Á-Bắc Mỹ, khởi hành từ cảng Cái Mép -Thị Vải.

Việc hình thành P3 là một liên minh gồm 3 hãng vận tải biển nêu trên, sẽ làm cho cấu trúc thị trường vận tải biển thay đổi và có thể tác động nhất định tới cạnh tranh trên thị trường. Chính vì vậy, nhằm tuân thủ pháp luật cạnh tranh và các pháp luật có liên quan của các nước mà các hãng trên có hoạt động, đại diện của ba hãng trên đã đồng thời gửi thông báo tập trung kinh tế cho EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Việt Nam. Thỏa thuận này đã được thông qua tại Ủy ban Thương mại Châu Âu và Cơ quan Hàng hải Hoa Kỳ nhưng đã bị Bộ Thương mại Trung Quốc (MOFCOM) tuyên bố không cho phép thực hiện. Do đó, mặc dù đã nộp hồ sơ theo thủ tục thông báo tập trung kinh tế cho Cục Quản lý cạnh tranh Việt Nam nhưng các Bên đã có thông báo tạm dừng thương vụ này để tính toán lại phương án.

1.3. Vụ việc Abbott mua lại CFR

Tóm tắt vụ việc:

Ngày 5 tháng 6 năm 2014, Cục Quản lý cạnh tranh nhận được hồ sơ thông báo Tập trung kinh tế của Công ty Abbott Investments Luxembourg Sarl, Công ty CFR Pharmaceuticals SA và Công ty Positron Limited Ltd về việc Abbott Investments Luxembourg Sarl dự kiến mua lại CFR Pharmaceuticals S.A. Các Bên tham gia tập trung kinh tế gồm: Bên Bán: Positron Limited Ltd, không có hoạt động tại Việt Nam; Công ty mục tiêu: CFR PHARMACEUTICALS S.A., có hoạt động tại Việt Nam thông qua các văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội và công ty con (Công ty cổ phần XNK Dược phẩm Domesco); Bên mua: Abbott Investments Luxembourg S.A.R.L. có hoạt động tại Việt Nam thông qua văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội và công ty con (Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A Việt Nam).

Căn cứ Khoản 3 Điều 17 Luật Cạnh tranh, vụ việc tập trung kinh tế của các doanh nghiệp này thuộc trường hợp mua lại doanh nghiệp, theo đó Abbott Investments Luxembourg Sarl mua lại CFR Pharmaceuticals SA từ Positron Ltd Limited.

Đối với trường hợp này, thị trường liên quan được xác định là các thị trường dược phẩm phân theo hoạt chất (mỗi hoạt chất là một thị trường liên quan) trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Theo báo cáo thị phần do các Bên cung cấp, thị phần kết hợp của các hoạt chất Betaserc và Duphaston thuộc ngưỡng 30-50%.

Việc tập trung kinh tế theo hình thức mua lại doanh nghiệp của các bên trong Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế diễn ra ở nước ngoài. Việc mua lại doanh nghiệp này không làm thay đổi cấu trúc thị trường dược phẩm Việt Nam.

Thị phần kết hợp của các bên tham gia tập trung kinh tế trên thị trường sản phẩm liên quan tại Việt Nam chiếm dưới 50%. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 18 Luật Cạnh tranh, việc tập trung kinh tế của các bên nêu trên không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

1.4. Vụ việc xin hưởng miễn trừ của BankNetVN và Smartlink

Tóm tắt vụ việc:

Ngày 19 tháng 8 năm 2014, Bộ Công Thương nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế

của Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam (Banknetvn) và Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink (Smartlink) theo quy định tại Điều 30 Luật Cạnh tranh và Điều 57 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh.

Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink là hai doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trung gian thanh toán ngân hàng. Hoạt động tập trung kinh tế dự kiến của hai doanh nghiệp thuộc trường hợp sáp nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Cạnh tranh, theo đó Smartlink sẽ sáp nhập vào Banknetvn. Thị phần kết hợp của các bên trên thị trường liên quan là 100%. Do đó, trường hợp tập trung kinh tế này bị cấm theo quy định tại Điều 18 Luật Cạnh tranh.

Tuy nhiên, trường hợp tập trung kinh tế này đáp ứng được các điều kiện được hưởng miễn trừ theo Điều 19, Luật Cạnh tranh và thẩm quyền cho hưởng miễn trừ là Thủ tướng Chính phủ (điều 25, Luật cạnh tranh). Việc tập trung kinh tế này có tác dụng góp phần phát triển kinh tế-xã hội, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; cụ thể như sau:

» ***Việc sáp nhập hai Công ty là phương án được Ngân hàng Nhà nước lựa chọn để thực hiện chủ trương xây***

dựng một Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất nhằm thúc đẩy thanh toán bằng thẻ ngân hàng, phục vụ thực hiện chủ trương của Chính phủ phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tăng hiệu quả quản lý nền kinh tế của các cơ quan quản lý thông qua kênh thanh toán, đáp ứng nguyên tắc minh bạch hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. ***Phương án này cũng đáp ứng được mục tiêu xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất***, với một thương hiệu thống nhất, kết nối các hệ thống thanh toán thẻ của các tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ và các liên minh thẻ hiện hành thành một hệ thống thống nhất, tạo điều kiện cho các ngân hàng nhỏ và tiềm lực tài chính hạn chế có thể tham gia vào thị trường thẻ, đồng thời giảm gánh nặng đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho các ngân hàng lớn.

Mặt khác, phương án sáp nhập Công ty Smartlink vào Công ty Banknet nhằm thực hiện chủ trương xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất của Việt Nam được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của 49 thành viên kết nối. Như vậy, Công ty sau sáp nhập đã đảm bảo với các thành viên sẽ không lạm dụng vị trí độc quyền, tác động tới cạnh tranh trên thị trường trung gian

thanh toán thẻ.

Về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ:

Công ty sau sáp nhập sẽ áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình trung tâm xử lý thanh toán bù trừ tự động giá trị thấp - ACH của Mỹ và ***sẽ thực hiện đánh giá và hợp chuẩn*** cho các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ thông tin nước ngoài khi muốn kết nối với Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất. Hơn nữa, ***công ty sau sáp nhập sẽ chuyển đổi sang công nghệ thẻ chip thanh toán sử dụng tiêu chuẩn EMV tại Việt Nam.***

Với việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho hưởng miễn trừ, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2327/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2014 cho hưởng miễn trừ đối với hai doanh nghiệp theo hình thức sáp nhập doanh nghiệp kèm theo các điều kiện cụ thể (Xem chi tiết tại Phụ lục 3).

1.5. Vụ việc BJC mua lại Metro

Tóm tắt vụ việc:

BJC (Berli Jucker Public Company Limited) là một công ty được thành lập cách đây 132 năm tại Thái Lan, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chai thủy tinh, sản phẩm gia dụng, sản phẩm ăn liền.... Cuối năm 2012, BJC đã mua lại 75% cổ phần tại Công ty Thai Corp

International Vietnam Co.Ltd (TCI), là công ty phân phối hàng tiêu dùng tại Việt Nam với hơn 300 đại diện kinh doanh, 1.800 đại lý, 220 siêu thị và cửa hàng tiện lợi và hơn 50.000 cửa hàng bán lẻ. Sau đó, BJC cũng đã mua 75% phần vốn tại ICHIBAN, nhà sản xuất và phân phối đậu phụ tại Việt Nam. Đầu năm 2013, BJC đã tiếp tục mua 65% cổ phần tại Công ty Thái An JSC, một công ty chuyên phân phối và vận chuyển thực phẩm tại miền Bắc. Tháng 6/2013, BJC đã mua lại hệ thống 42 cửa hàng tiện lợi Family Mart tại Việt Nam. Như vậy, BJC đã tham gia vào thị trường phân phối, bán lẻ của Việt Nam.

Ngày 07/8/2014, Metro Việt Nam chính thức công bố mảng bán buôn sẽ được chuyển giao cho BJC Thái Lan, sau khi tập đoàn mẹ Metro ở Đức ký thỏa thuận chuyển nhượng lĩnh vực kinh doanh bán buôn tại Việt Nam cho BJC. Tuy nhiên, dự định này của BJC đã tạm thời chưa thực hiện được do các cổ đông của BJC phản đối tại đại hội cổ đông của tập đoàn BJC diễn ra ngày 8/1/2015. Tuy nhiên, Công ty TCC Holding, hoạt động trong lĩnh vực bia rượu, bất động sản, thương mại, bảo hiểm và công nghiệp chế tạo, là cổ đông lớn của BJC sẽ tiếp quản thương vụ này, biến Metro Việt Nam thành một bộ phận của TCC Holding. Công ty TCC Holding muốn mua lại Metro Việt Nam để xây dựng một mạng lưới bán lẻ nhằm

phân phối các sản phẩm do tập đoàn TCC sản xuất ra và bán hàng Thái Lan, từ đó thâm nhập sâu vào thị trường các nước ASEAN.

Với các thông tin như trên, có thể thấy rằng, nếu BJC mua lại Metro Việt Nam là hình thức tập trung kinh tế mua lại theo chiều ngang (trên cùng thị trường phân phối, bán lẻ). Nếu TCC Holding mua lại Metro Việt Nam thì đó là hình thức tập trung kinh tế mua lại theo chiều dọc (giữa nhà sản xuất và nhà phân phối). Cả hai trường hợp này đều làm thay đổi cấu trúc thị trường trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ. Công ty sau tập trung kinh tế sẽ có sức mạnh thị trường lớn hơn và sẽ có những tác động nhất định tới cạnh tranh trên thị trường. Nếu trong trường hợp thị phần kết hợp của hai Công ty từ 30%-50% trên thị trường phân phối, bán lẻ thì các Công ty phải có nghĩa vụ thông báo tập trung kinh tế với Cục QLCT.

Như vậy, thương vụ mua lại Metro Việt Nam của Công ty Thái Lan (BJC hoặc TCC Holding) sẽ thuộc diện kiểm soát tập trung kinh tế của Cục QLCT trong thời gian tới.

2. Xu hướng tập trung kinh tế

2.1. Tập trung kinh tế do thực hiện cổ phần hóa

Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước là một trong ba trụ cột của Đề án tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ phê duyệt vào năm 2009, kèm theo đó là Lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Nhằm thực hiện Lộ trình cổ phần hóa, trong thời gian tới sẽ xuất hiện những thương vụ lớn, theo hình thức bán cổ phần cho đối tác chiến lược. Trong đó, có thể kể đến những doanh nghiệp lớn như Vietnam Airlines, Mobifone, Sabeco, BIDV, Vinatex, PVGAS, Vinamilk,... Có thể thấy rằng, đây là những doanh nghiệp lớn, có sức mạnh thị trường và có thể chiếm thị phần lớn hơn 30% trên một số thị trường liên quan cụ thể nào đó. Như vậy, khi bán cổ phần cho các đối tác chiến lược (sẽ tham gia với tư cách là cổ đông lớn) thì sẽ thuộc loại hình mua lại

và sẽ có rất nhiều khả năng thuộc đối tượng kiểm soát tập trung kinh tế nếu các đối tác chiến lược cùng hoạt động trong lĩnh vực của các doanh nghiệp bán cổ phần và thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% đến 50%.

2.2. Tái cấu trúc nội bộ doanh nghiệp

Để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, trong thời gian vừa qua khá nhiều các tập đoàn lớn đã tiến hành tái cấu trúc nội bộ công ty dưới hình thức sáp nhập hoặc mua lại như vụ mua lại của Công ty xi măng Holcim và Lafarge S.A, Công ty Vicem, Lotte, Công ty Lixil Inax Việt Nam,... Trong thời gian tới, bản thân các công ty đã tiến hành tái cấu trúc vẫn tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng M&A và nhiều công ty sẽ tiến hành tái cấu trúc nội bộ. Về bản chất, đây là loại hình tái cấu trúc nội bộ công ty. Tuy nhiên, theo quy định hiện nay của Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì mặc dù là công ty mẹ và công ty con nhưng các công ty này đều là pháp nhân độc lập nên vẫn phải tuân thủ tục thông báo tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh.

Tháng 10/2014, sáp nhập Công ty Cổ phần Đá Xây dựng Hòa Phát vào Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân, cả hai công

ty này đều là đơn vị thành viên của Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam. Việc sáp nhập này là thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2013-2015

2.3. Tái cấu trúc lĩnh vực ngân hàng

Theo đề án tái “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” (một trong ba trụ cột của quá trình tái cấu trúc nền kinh tế) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 254 ngày 01/03/2012 thì việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại giữa các tổ chức tín dụng nước ngoài với nhau và giữa tổ chức tín dụng nước ngoài với tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và theo quy định của pháp luật hiện hành; khuyến khích các tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua lại, sáp nhập, hợp nhất với các tổ chức tín dụng trong nước yếu kém phải cơ cấu lại. Trong thời gian 2, 3 năm qua hệ thống ngân hàng Việt Nam đã trải qua quá trình tái cơ cấu mạnh mẽ, cấu trúc thị trường đã thay đổi theo hướng giảm số lượng ngân hàng thông qua các thương vụ mua bán, sáp nhập. Theo mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước số lượng các ngân hàng sẽ chỉ còn một nửa so với hiện tại trong vài năm tới thông qua quá trình tái cơ cấu lĩnh vực này. Như vậy, trong thời

gian tới sẽ tiếp tục diễn ra hoạt động M&A trong lĩnh vực ngân hàng, dự kiến sẽ có khoảng 6 đến 7 ngân hàng sáp nhập với nhau với những thương vụ lớn như Eximbank sáp nhập với Sacombank, Maritime Bank và Mekong Bank, Sài Gòn Bank sáp nhập vào Vietcombank, MHB sáp nhập vào BIDV, PG Bank sáp nhập vào VietinBank...Mặc dù bản chất của các thương vụ mua bán - sáp nhập trong lĩnh vực ngân hàng là tái cơ cấu trong lĩnh vực ngân hàng, nhưng các hoạt động đó vẫn thuộc loại hình tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh.

2.4. M&A trong một số lĩnh vực quan trọng

Trong thời gian tới một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế tiếp tục là những lĩnh vực thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, do đó hoạt động mua bán, sáp nhập được dự kiến sẽ diễn ra như sau:

Bảng 7: Một số vụ việc M&A dự kiến sẽ tiến hành trong thời gian tới

Ngành	Stt	Công ty M&A	Cty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A	Ghi chú
Tài chính Ngân hàng	1	Vietcombank	SaigonBank (SGB)	Sáp nhập			
	2	BIDV	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB)	Sáp nhập			
	3	Vietinbank	PGBank	Sáp nhập			
	4	GPBank	LienVietPost Bank (LPB)	Sáp nhập			
	5	Eximbank	NamA Bank	Sáp nhập			
	6	Sacombank	SouthernBank (PNB)	Sáp nhập			
	7	ABBank	DongA Bank	Sáp nhập			
	8	Ngân hàng Nhà nước	GPBank	Mua lại			Dự kiến 6-8 NH sẽ được NHNN mua lại
Tiêu dùng	9	Aeon	Fivimart	Mua lại		30%	
	10	Aeon	Citimart	Mua lại		49%	
	11	Thai Beverage	Sabeco	Mua lại	~1 tỷ USD	40%	

Ngành	Stt	Công ty M&A	Cty mục tiêu	Hình thức	Giá trị giao dịch	Tỷ lệ M&A	Ghi chú
Cảng biển	12	Quỹ Dự trữ quốc gia Oman (SGRF)	Cảng Hải Phòng	Mua lại		100%	
	13	Vingroup	Cảng Sài Gòn	Mua lại		80%	
	14		Cảng Hải phòng	Mua lại		80%	
BDS	15	n.a	Hoàng Anh Gia Lai	Mua lại	n.a	50%	Cổ phần của HAGL Land

Nguồn: Tổng hợp của Cục QLCT

2.5. M&A trong bối cảnh hội nhập kinh tế

Việc gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài và thu hút nguồn vốn từ nước ngoài khi các Hiệp định thương mại tự do có hiệu lực như TPP, Việt Nam - EU, RCEP,... Cùng với việc mở cửa thị trường và những cơ hội kinh doanh do hiệp định thương mại tự do đem lại, M&A sẽ diễn ra ngày càng nhiều vì tập trung kinh tế là một kênh tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài có hiệu quả. Mặt khác, với các doanh nghiệp trong nước thì nhu cầu tích tụ, tập trung nguồn lực là tất yếu và cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu, rộng và tập trung kinh tế chính là con

đường ngắn nhất để giải quyết vấn đề trên. Chính vì vậy, cùng với xu hướng gia tăng M&A nói chung mà một Bên là các doanh nghiệp lớn thì xu hướng các thương vụ M&A thuộc đối tượng kiểm soát cũng sẽ gia tăng.

Đồng thời với xu hướng trên, việc hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) trong năm 2015 cũng sẽ là một yếu tố gia tăng các hoạt động mua bán và sáp nhập tại Việt Nam do các nhà đầu tư lớn ở các nước ASEAN như Thái Lan, Malaysia,... thực hiện. Theo dự báo của ngân hàng HSBC, bán lẻ, sản xuất, ngân hàng và viễn thông sẽ là các lĩnh vực thu hút các tập đoàn lớn của Thái Lan gia nhập thị trường Việt Nam thông

qua hoạt động M&A. Xu hướng này có thể được minh chứng với việc BJC dự kiến mua lại Metro Việt Nam hay một tập đoàn Thái Lan đã từng bước mua lại Công ty cổ phần xây dựng Cotec thông qua việc mua cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

2.6. Các doanh nghiệp nước ngoài mua lại, sáp nhập ngoài lãnh thổ

Một xu hướng đáng chú ý khác là hiện tại trên thế giới đang diễn ra một làn sóng sáp nhập, mua lại giữa các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là trong một số ngành như công nghệ, y tế, năng lượng, dịch vụ tài chính,... và tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương (đạt con số kỷ lục 716 tỷ USD trong năm 2014). Khi các tập đoàn đa quốc gia (công ty mẹ ở nước ngoài) thực hiện sáp nhập thì tất yếu cũng sẽ có sự điều chỉnh trong hoạt động tại từng quốc gia tùy thuộc vào chính sách của công ty sau khi sáp nhập (các công ty con cũng sáp nhập với nhau hoặc bán tài sản). Tuy nhiên, xu hướng chính được các tập đoàn đa quốc gia thực hiện là sáp nhập các công ty con tại các nước mà tập đoàn đó có hoạt động kinh doanh. Các cơ quan cạnh tranh của từng nước đều phải xem xét từng trường hợp cụ thể để có đánh giá chính xác khả năng gây tác động tiêu cực tới cạnh tranh tại từng thị trường.

3. Định hướng kiểm soát TTKT trong thời gian tới

3.1. Các TTKT thuộc diện kiểm soát

Thực tiễn kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế trên thị trường trong thời gian qua của Cục QLCT cho thấy: Tại thị trường Việt Nam đã xuất hiện và ngày càng gia tăng về số lượng các thương vụ M&A lớn như Abbott mua lại CFR (Chi Lê); Suntory mua lại một phần Pepsico; vụ việc sáp nhập của Lotte Mart, vụ việc sáp nhập của Lilix,...; Có thể thấy mặc dù số lượng các vụ M&A hàng năm là rất lớn nhưng những thương vụ M&A có quy mô đáng kể (theo giá trị giao dịch, vị trí của các Bên tham gia tập trung kinh tế trên thị trường) là không nhiều và hầu hết các vụ M&A lớn đều là giao dịch giữa các Bên có vốn nước ngoài, FDI và doanh

ngoại). Mặt khác, nhìn chung các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tương đối có ý thức tuân thủ pháp luật cạnh tranh và nhiều giao dịch M&A đã được doanh nghiệp tham vấn và gửi Hồ sơ thông báo tới Cục QLCT, nếu trong trường hợp doanh nghiệp đánh giá rằng thị phần kết hợp của các Bên là thuộc ngưỡng kiểm soát (30-50%).

Thực tế giám sát cạnh tranh cho thấy, có khá nhiều giao dịch M&A được thực hiện ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng các Bên tham gia giao dịch có hoạt động tại Việt Nam (có hiện diện thương mại tại Việt Nam, hoặc không có hiện diện thương mại tại Việt Nam nhưng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có mặt và được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam). Trong trường hợp này, hoạt động M&A vẫn thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cạnh tranh.

Tiêu chí để xác định ngưỡng kiểm soát tập trung kinh tế là thị phần kết hợp. Trách nhiệm xác định thị phần trên thị trường liên quan thuộc về các Doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế. Vì vậy, để xác định xem giao dịch có thuộc diện kiểm soát hay không thì doanh nghiệp cần thực hiện Báo cáo đánh giá thị phần trên thị trường liên quan (bao gồm thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan). Đây là thông tin quan trọng và là căn cứ để Cục

QLCT thẩm định và có ý kiến chính thức đối với những trường hợp tham vấn, hoặc là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật.

Cục QLCT đã nhận được hồ sơ M&A từ các doanh nghiệp thông qua các hình thức như sau: (i) Các doanh nghiệp chủ động thực hiện báo cáo đánh giá thị phần và nộp Hồ sơ theo thủ tục thông báo tập trung kinh tế hoặc hồ sơ tham vấn; (ii) Đề nghị từ các cơ quan hữu quan như Sở Kế hoạch Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất (theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp); (iii) Ủy ban Chứng khoán nhà nước trong trường hợp hoán đổi cổ phiếu (theo quy định của Luật Chứng khoán).

Tuy nhiên, có khá nhiều các vụ tập trung kinh tế thuộc ngưỡng kiểm soát nhưng doanh nghiệp không thực hiện thủ tục tập trung kinh tế do: (i) chưa hiểu rõ các quy định của Luật Cạnh tranh nên vô tình chưa tuân thủ Luật Cạnh tranh và (ii) không ý thức được việc cần thực hiện báo cáo đánh giá thị phần mà chỉ ước lượng và cho rằng thị phần kết hợp dưới ngưỡng kiểm soát; (iii) doanh nghiệp đánh giá thị phần nhìn từ góc độ marketing chứ không xác định theo thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan nên số liệu không chính

xác và dẫn đến không xác định được giao dịch của mình có thuộc ngưỡng kiểm soát hay không.

Do vậy, trong thời gian sắp tới, Cục Quản lý cạnh tranh và các cơ quan chức năng có thẩm quyền sẽ tăng cường kiểm soát thông qua sự hợp tác, phối hợp để nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời và chính xác.

3.2. Định hướng kiểm soát TTKT

3.2.1. Lý do kiểm soát TTKT

Với thực tế công tác giám sát TTKT trong thời gian qua có thể thấy hoạt động kiểm soát TTKT cần được tăng cường vì:

- » Mặc dù các giao dịch M&A diễn ra khá sôi động và số lượng cũng như tổng giá trị giao dịch ngày càng gia tăng nhưng số lượng các giao dịch thuộc đối tượng kiểm soát theo Luật Cạnh tranh là không lớn. Tuy nhiên, đó là những thương vụ có khả năng tác động tới cạnh tranh trên thị trường do doanh nghiệp sau tập trung kinh tế có vị trí thống lĩnh trên thị trường.
- » Việc kiểm soát các giao dịch M&A lớn nhằm giám sát hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp sau tập trung kinh tế để hạn chế khả năng lạm dụng vị trí thống lĩnh của các doanh nghiệp này, duy trì cạnh tranh lành mạnh

trên thị trường. Các thương vụ M&A lớn sẽ làm thay đổi cấu trúc trên thị trường và hình thành doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh. Doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh một sản phẩm/dịch vụ trên thị trường sẽ có khả năng thay thế và có lợi thế cạnh tranh trong tương quan với các sản phẩm hiện tại trên thị trường. Doanh nghiệp này sẽ có sức mạnh kiểm soát thị trường nên sẽ thuộc đối tượng kiểm soát tập trung kinh tế. Đồng thời, doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh sẽ tác động đối với tiến bộ khoa học, công nghệ và khả năng tiếp cận thị trường của doanh nghiệp mới. Có thể thấy, hoạt động của doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm soát (có thị phần trên 30%) tiềm ẩn nguy cơ tác động tới các đối thủ cạnh tranh khác và người tiêu dùng thông qua giá.

3.2.2. Định hướng kiểm soát TTKT

Trong những năm qua, Cục Quản lý cạnh tranh đã bước đầu xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về hàng chục ngành kinh tế với dữ liệu tổng hợp về các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên từng thị trường. Việc giám sát sẽ được thực hiện dựa trên cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên thị trường (được đánh giá theo các chỉ số CR3, HHI). Cơ quan cạnh tranh sẽ căn

cứ vào danh sách các lĩnh vực có mức độ tập trung kinh tế cao để xem xét các lĩnh vực cần tăng cường giám sát và kiểm soát tập trung kinh tế theo từng năm.

Đối tượng giám sát:

Với những xu hướng và nhận định nêu trong Báo cáo này, trong thời gian sắp tới, Cục Quản lý cạnh tranh sẽ tập trung giám sát các nhóm đối tượng sau đây:

- » Thứ nhất: Các doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường.
- » Thứ hai: Các thương vụ lớn được giao dịch ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng các Bên tham gia có hoạt động tại Việt Nam thông qua hiện diện thương mại hoặc có sản phẩm, dịch vụ được tiêu thụ/cung cấp tại thị trường Việt Nam.
- » Thứ ba: Các thương vụ M&A trong một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

Cách thức giám sát, kiểm soát:

- » Phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thu thập thông tin, số liệu thông qua thay đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giao dịch hoán đổi cổ phiếu.

- » Hợp tác với các cơ quan quản lý chuyên ngành để giám sát các vụ M&A trong các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như ngân hàng, viễn thông, điện lực, hàng hải,...
- » Tăng cường hợp tác với cơ quan cạnh tranh các nước trên thế giới để kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế xuyên biên giới, trong khuôn khổ chương cạnh tranh của các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) đã, đang và sẽ ký kết trong tương lai mà Việt Nam là một bên tham gia như TPP, EVFTA, RCEP, VKFTA, VCU,...

Doanh nghiệp cần lưu ý:

Với xu hướng gia tăng của hoạt động M&A trong thời gian tới, trong đó sẽ có các thương vụ lớn, thuộc đối tượng kiểm soát tập trung kinh tế, cùng với việc tăng cường giám sát, kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường, doanh nghiệp cần lưu ý một số điểm sau đây:

- » Doanh nghiệp/đại diện được ủy quyền của doanh nghiệp nên tham vấn với Cục Quản lý cạnh tranh để nắm được quy định/quy trình của Luật Cạnh tranh khi thực hiện vụ việc M&A có khả năng nằm trong ngưỡng phải thông báo/bị cấm. Nếu thực hiện vụ việc thuộc trường hợp bị cấm hoặc phải thông báo mà không thông báo

thì mức phạt sẽ rất cao, có thể lên đến 10% tổng doanh thu của năm tài chính trước năm thực hiện TTKT.

- » Căn cứ để xem xét một vụ tập trung kinh tế có thuộc ngưỡng phải thông báo hay bị cấm là thị phần kết hợp trên thị trường liên quan. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện báo cáo đánh giá thị phần để xác định trường hợp TTKT của mình. Vì vậy, doanh nghiệp cần chủ động thực hiện báo cáo thị phần khi doanh nghiệp chuẩn bị thực hiện hoạt động TTKT.
- » Báo cáo thị phần cần được thực hiện theo quy định của Luật Cạnh tranh, theo đó thị phần của doanh nghiệp cần được xác định theo thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan. Thông thường báo cáo thị phần của doanh nghiệp được xác định trên tổng thị trường theo ngành/lĩnh vực nên không chính xác và không phản ánh được vị trí của doanh nghiệp trên thị trường liên quan cụ thể, cũng như không xác định được có thuộc ngưỡng thông báo hoặc thuộc trường hợp bị cấm hay không.
- » Doanh nghiệp cần chủ động thông báo và gửi các tài liệu có liên quan tới VCA vào cùng thời điểm nộp hồ sơ làm thủ tục thay đổi giấy phép đầu tư

do M&A tại các Sở Kế hoạch - Đầu tư để tiết kiệm thời gian và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật cạnh tranh.

- » Doanh nghiệp cần thường xuyên tham khảo Danh mục các lĩnh vực có mức độ tập trung kinh tế cao do VCA cập nhật hàng năm trên trang thông tin điện tử của Cục để xác định xem hoạt động TTKT của doanh nghiệp mình có thuộc lĩnh vực mức độ tập trung kinh tế cao để thực hiện báo cáo thị phần một cách đầy đủ và chính xác.

PHỤ LỤC I

CÁC VỤ VIỆC THÔNG BÁO TTKT GIAI ĐOẠN 2012 - 2014

STT	Năm	Ngành	Các công ty tham gia tập trung kinh tế
1	2012	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng cho ngành thép; Kinh doanh vận tải hàng hóa	Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý
			Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà
2	2012	Sản xuất container; Dịch vụ vận tải	Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container
			Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Thương mại Đại Hưng
3	2012	Sản xuất và buôn bán sắt, thép; Xây dựng, mua bán ô tô, dịch vụ khác	Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên
			Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến
4	2012	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
			Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
5	2013	Kinh doanh bánh kẹo	Công ty cổ phần Kinh Đô
			Công ty cổ phần Vinabico
6	2013	Sản xuất thép	Công ty TNHH Thương mại Nippon Steel Việt Nam
			Công ty TNHH Sumikin Bussan Việt Nam

STT	Năm	Ngành	Các công ty tham gia tập trung kinh tế
7	2013	Hoạt động xây lắp trạm biến áp	Công ty cổ phần Sông Đà 11
			Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long
			Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11
8	2013	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	Công ty CP thủy điện Cần Đơn
			Công ty CP thủy điện Nà Lơi
			Công ty CP thủy điện Ry Ninh II
7	2014	Dệt may	Tty CP Phong Phú
			Cty CP dệt vải Phong Phú
			Cty CP dệt gia dụng Phong Phú
8	2014	Sản xuất nhựa, bột nhựa PVC	Petronas Chemicals Group Berhad (PCGB)
			Cty TNHH Nhựa và Hoá chất Phú Mỹ (PMPC)
			Asahi Glass Company, Limited (AGC)
9	2014	Vận tải biển	A.p Moller - Maersk A/S
			CMA CGM S.A
			MSC Mediterranean Shipping Company SA
10	2014	Dược phẩm	Abbott Investments Luxembourg Sarl
			CFR Pharmaceuticals S.A
			Positron Limited

STT	Năm	Ngành	Các công ty tham gia tập trung kinh tế
11	2014	Logistics	Cty TNHH Schenker Việt Nam
			Cty TNHH Schenker - Gemadept Logistics Việt Nam
12	2014	Sản xuất thiết bị vệ sinh và vật liệu xây dựng	Công ty TNHH Lixil INAX Việt Nam
			Công ty TNHH sản xuất Lixil INAX Sài Gòn
			Công ty TNHH sản xuất Lixil INAX Đà Nẵng
13	2014	Sản xuất xi măng, đá xây dựng	Cty CP Xi măng VICEM Hải Vân
			Cty CP Đá xây dựng Hòa Phát
14	2014	Kinh doanh bán buôn, bán lẻ; sản xuất bánh kẹo, thực phẩm chế biến sẵn, các sản phẩm từ thịt	Cty TNHH Trung tâm thương mại Lotte Việt Nam
			Cty TNHH Lotte Mart Đà Nẵng
15	2014	Sản xuất, kinh doanh kính và các sản phẩm từ kính	Cty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam
			Cty TNHH Kính chuyên biệt NSG Việt Nam

PHỤ LỤC II

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA VIỆC KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ TRONG LUẬT CẠNH TRANH VÀ CÁC VĂN BẢN CHUYÊN NGÀNH

Có thể nói, Luật Cạnh tranh được ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2004 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 là văn bản đầu tiên quy định toàn diện các vấn đề về cạnh tranh. Các nguyên tắc được quy định trong Luật Cạnh tranh cũng đã có những ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Phá sản và các luật chuyên ngành như Luật Viễn thông, Luật Chứng khoán, Luật Bảo hiểm, Luật Điện lực, v.v. Do đó,

các vấn đề sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng vốn, cổ phần, tài sản và liên doanh không chỉ được xem xét dưới góc độ luật chung, luật chuyên ngành và còn được đánh giá dưới góc độ bảo vệ thị trường cạnh tranh. Về cơ bản, có thể đánh giá rằng các quy định trong Luật Cạnh tranh và các luật khác tương đối tương đồng và nhất quán. Tuy nhiên, xét về quy định chi tiết và quá trình thực thi vẫn tồn tại một số quy định, vấn đề mâu thuẫn trong Luật Cạnh tranh và các luật chuyên ngành khác.

1. Quy định về TTKT trong Luật Doanh nghiệp

Theo Điều 16 Luật Cạnh tranh, “Tập trung kinh tế là hành vi của doanh nghiệp bao gồm⁷: (1) Sáp nhập doanh nghiệp; (2) Hợp nhất doanh nghiệp; (3) Mua lại doanh nghiệp; (4) Liên doanh giữa các doanh nghiệp; và (5) Các hành vi tập trung kinh tế khác theo quy định của pháp luật”.

⁷ Cụ thể hơn, Điều 17 Luật Cạnh tranh nêu ra khái niệm về các hình thức tập trung kinh tế như sau:

1. Sáp nhập doanh nghiệp là việc một hoặc một số doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình sang một doanh nghiệp khác, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp bị sáp nhập.
2. Hợp nhất doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các doanh nghiệp bị hợp nhất.
3. Mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại.
4. Liên doanh giữa các doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng nhau góp một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới.

Trong khi đó, với vai trò tổ chức và thiết lập mô hình hoạt động cho các loại hình doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp có quy định *tổ chức lại doanh nghiệp* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp⁸. Về cơ bản, khái niệm tổ chức lại doanh nghiệp bao hàm các hành vi hợp nhất và sáp nhập tương tự như quy định trong Luật Cạnh tranh.

Xét về khái niệm, quy định về hợp nhất trong Luật Doanh nghiệp và Luật Cạnh tranh hoàn toàn thống nhất và không có mâu thuẫn, đảm bảo tính thống nhất trong hai hệ thống pháp luật. Với mục tiêu điều chỉnh hành vi nên Luật Cạnh tranh không có các quy định về thủ tục còn Luật Doanh nghiệp quy định rõ tại Khoản 2, Điều 194 Luật Doanh nghiệp 2014⁹.

Tuy nhiên, trong các trường hợp việc hợp nhất, sáp nhập phải thực hiện thủ tục thông báo tới cơ quan quản lý cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp chưa quy định đầy đủ về đối tượng thông báo tập trung kinh tế. Theo Khoản 1 Điều 20 Luật Cạnh tranh quy định rằng các doanh nghiệp tập trung kinh tế, bao gồm các doanh nghiệp tham gia sáp nhập, hợp nhất có thị phần kết hợp từ

20 - 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp, nghĩa là các bên liên quan cùng nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi thực hiện TTKT. Trường hợp một doanh nghiệp với tư cách đại diện cho các doanh nghiệp còn lại tiến hành thông báo, phải có giấy ủy quyền từ các bên liên quan. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 152 và 153 Luật Doanh nghiệp chỉ quy định rằng đại diện hợp pháp của công ty bị hợp nhất và nhận sáp nhập thực hiện thông báo, do đó, chưa đầy đủ các bên cần thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật.

Sự thống nhất trong việc sử dụng yếu tố thị phần trên thị trường liên quan làm cơ sở xác định điều kiện trong các vụ việc hợp nhất và sáp nhập

Một điểm khá thống nhất trong tư tưởng lập pháp thể hiện trong pháp luật doanh nghiệp và pháp luật cạnh tranh là cùng quy định thị phần trên thị trường liên quan làm cơ sở xác định điều kiện cho phép hoặc không cho phép trong các vụ việc hợp nhất hoặc sáp nhập.

Khoản 3, Điều 194, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định *trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty bị hợp nhất*

⁸ Khoản 16, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2005, Khoản 25 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014;

⁹ Quy định tại Khoản 2, Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2005.

phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành hợp nhất, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác. Cấm các trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật Cạnh tranh có quy định khác. Khoản 3, Điều 153 của Luật Doanh nghiệp 2005 quy định trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác. Cấm các trường hợp sáp nhập các công ty mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

Cũng trên quan điểm lập pháp như vậy, Luật Cạnh tranh sử dụng thị phần làm cơ sở phân loại nhóm tập trung kinh tế và là tiêu chí duy nhất để xác định cách thức xử lý. Khoản 5, Điều 3 Luật Cạnh tranh quy định *thị phần của doanh nghiệp đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định là tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu bán ra của doanh nghiệp này với tổng doanh thu của tất cả doanh nghiệp kinh doanh loại hàng hoá dịch vụ đó trên thị trường liên quan hoặc tỷ lệ phần trăm giữa doanh số mua vào của doanh nghiệp*

này với tổng doanh số mua vào của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm. Tiếp đó Luật Cạnh tranh cũng định nghĩa thị phần kết hợp là "tổng thị phần trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp tham gia vào thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hoặc tập trung kinh tế."

Trên cơ sở đó, Điều 18, Luật Cạnh tranh quy định cấm tập trung kinh tế nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm trên 50% trên thị trường liên quan. Ở trường hợp này, việc sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại đã hình thành một doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp nắm giữ đa số thị phần trên thị trường liên quan và làm cho các doanh nghiệp còn lại chỉ là thiểu số trên thị trường, tạo nên sự thay đổi về cơ bản, đột ngột trong tương quan cạnh tranh và cấu trúc cạnh tranh trên thị trường. Do đó những trường hợp trên luôn bị xem là làm giảm, làm cản trở và sai lệch cạnh tranh một cách đáng kể. Tuy nhiên cũng có ngoại lệ có thể được xem xét miễn trừ nếu một hoặc nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản (thẩm quyền xem xét quyết định thuộc Bộ trưởng Bộ Công Thương) hoặc việc tập trung kinh tế có tác dụng mở rộng xuất khẩu hoặc

góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ (do Thủ tướng Chính phủ quyết định).

Quy định về quyền chi phối hoặc kiểm soát doanh nghiệp bị mua lại

Trong các hình thức *tổ chức lại doanh nghiệp* theo quy định của Luật doanh nghiệp không có hình thức mua lại doanh nghiệp mà chỉ có quy định về việc mua lại cổ phần của doanh nghiệp. Khoản 3, Điều 18, Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định về việc mua lại cổ phần và quản lý doanh nghiệp theo đó *tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này.*

Theo quy định của Luật Cạnh tranh, *mua lại thuộc một trong những hình thức tập trung kinh tế. Khoản 3, Điều 17, Luật Cạnh tranh quy định mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại.*

Mặc dù ở góc độ nào đó có thể có sự tương đồng về bản chất pháp lý nhưng *mua lại cổ phần* theo Luật Doanh nghiệp và *mua lại doanh nghiệp* theo Luật Cạnh tranh là hai khái niệm hoàn toàn khác

nhau. Việc mua cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp có mục đích nhằm nắm giữ một tỉ lệ cổ phần nhất định của một Doanh nghiệp nhất định. Tuy nhiên, trong trường hợp lượng cổ phần mua đạt đủ tỉ lệ để có thể thực hiện việc kiểm soát, chi phối doanh nghiệp thì sẽ trở thành thương vụ mua lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Cạnh tranh. Ngược lại, việc mua lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Cạnh tranh không chỉ dừng lại ở việc mua lại cổ phần tới mức đủ để kiểm soát, chi phối mà còn là việc mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác.

Về bản chất pháp lý, mua lại doanh nghiệp là hình thức tập trung kinh tế bằng biện pháp thiết lập quan hệ sở hữu giữa doanh nghiệp mua lại và doanh nghiệp bị mua lại. Việc mua lại không phải là quá trình thống nhất về tổ chức giữa hai doanh nghiệp nói trên. Sau khi mua lại, doanh nghiệp nắm quyền sở hữu có thể thực hiện việc sáp nhập hoặc không. Nếu thực hiện việc sáp nhập thì sự thống nhất về tổ chức là kết quả của hoạt động sáp nhập và việc mua lại chỉ là tiền đề để có được quyết định sáp nhập. Trong trường hợp sau khi mua lại có tiến hành các thủ tục sáp nhập thì vụ việc được coi là sáp nhập.

Khi các doanh nghiệp mua lại và bị mua lại đang hoạt động trên cùng một thị trường liên quan thì việc mua lại làm cho quan hệ cạnh tranh giữa những doanh nghiệp này bị mất đi. Theo quy định tại Điều 35, Nghị định số 116/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/09/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh thì mua lại không bị coi là tập trung kinh tế trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức tín dụng mua lại doanh nghiệp khác nhằm mục đích bán lại trong thời hạn dài nhất là 01 năm... nếu doanh nghiệp mua lại không thực hiện quyền kiểm soát hoặc chi phối doanh nghiệp bị mua lại, hoặc doanh nghiệp thực hiện quyền kiểm soát/chi phối nhưng chỉ trong khuôn khổ bắt buộc để đạt được mục đích bán lại. Đồng thời, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức tín dụng đó phải gửi cho cơ quan quản lý cạnh tranh hồ sơ thông báo việc mua lại này. Thời hạn bán lại doanh nghiệp quy định tại Điều 35 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP có thể được Thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh gia hạn theo kiến nghị của doanh nghiệp mua lại nếu doanh nghiệp chứng minh rằng họ đã không thể bán lại doanh nghiệp bị mua lại đó trong thời hạn 01 năm.

Quy định về liên doanh theo hai hệ thống pháp luật

Liên doanh là một trong những hình thức tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh, theo đó liên doanh giữa các doanh nghiệp là việc hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng nhau góp một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình để hình thành một doanh nghiệp mới. Thông thường doanh nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở hợp đồng hợp tác giữa hai hay nhiều bên trong đó quy định về việc góp vốn nhằm tạo thành một doanh nghiệp mới.

Như vậy, ở đây có việc thành lập doanh nghiệp mới với sự góp vốn của các bên liên doanh nên việc thành lập doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Nhìn từ bản chất của liên doanh và trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp thì trong trường hợp này doanh nghiệp mới được thành lập sẽ dưới hình thức Công ty TNHH. Tuy nhiên, do liên doanh là một trong những hình thức tập trung kinh tế nên chịu sự điều chỉnh của Luật Cạnh tranh. Theo quy định tại Điều 18, Luật Cạnh tranh thì liên doanh bị cấm trong trường hợp thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia liên doanh chiếm trên 50% trên thị trường liên quan, trừ trường hợp được cho hưởng miễn trừ (theo quy định tại Điều 19, Luật Cạnh tranh) hoặc trường hợp doanh nghiệp sau liên doanh vẫn

thuộc loại doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều 20, Luật Cạnh tranh quy định nếu các doanh nghiệp tham gia liên doanh có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp đó phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành liên doanh. Trường hợp thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia liên doanh thấp hơn 30% trên thị trường liên quan hoặc trường hợp doanh nghiệp sau liên doanh vẫn thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Xem xét quy định tập trung kinh tế trong pháp luật viễn thông

Đối với hoạt động tập trung kinh tế trong lĩnh vực viễn thông, bên cạnh việc áp dụng các quy định của Luật Cạnh

tranh, pháp luật viễn thông còn có các quy định đặc thù về sở hữu các doanh nghiệp viễn thông. Theo quy định tại Điều 3, Nghị định 25/2011/NĐ-CP về kinh doanh dịch vụ viễn thông “*một tổ chức, cá nhân đã sở hữu trên 20% vốn điều lệ hoặc cổ phần trong một doanh nghiệp viễn thông thì không được sở hữu trên 20% vốn điều lệ hoặc cổ phần của doanh nghiệp viễn thông khác cùng kinh doanh trong một thị trường dịch vụ viễn thông thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định*”. Với thực trạng thị trường viễn thông có mức độ tập trung cao và số lượng doanh nghiệp tương đối ít. Quy định hạn chế sở hữu doanh nghiệp nói trên nhằm hạn chế hiện tượng các doanh nghiệp viễn thông có mối liên hệ về mặt cấu trúc với nhau, từ đó hạn chế được hiện tượng lạm dụng sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Nội dung của quy định này bổ trợ cho các nội dung về kiểm soát tập trung kinh tế trong Luật Cạnh tranh và áp dụng cho lĩnh vực viễn thông.

Theo quy định của khoản 5 Điều 19 Luật Viễn thông, các doanh nghiệp viễn thông khi tập trung kinh tế có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% trên thị trường dịch vụ liên quan phải thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông trước khi tiến hành tập trung kinh tế. Ngoài ra, theo khoản 6 Điều 19 việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Cạnh tranh trong hoạt

động viễn thông phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông. Như vậy việc xem xét cho hưởng miễn trừ của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định của Luật Cạnh tranh cần phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông. Quy định này tạo ra sự mâu thuẫn, chông chéo trong thẩm quyền xem xét thông báo tập trung kinh tế và xem xét cho hưởng miễn trừ, cũng như tạo ra sự phức tạp trong thủ tục cho hưởng miễn trừ.

Luật Viễn thông cấm các doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định của Luật Cạnh tranh. Do vậy nên việc thực hiện các hành vi tập trung kinh tế trong lĩnh vực viễn thông vẫn phải tuân theo các quy định của Luật Cạnh tranh như thông báo tập trung kinh tế, các trường hợp tập trung kinh tế bị cấm và quy định về xin hưởng miễn trừ tập trung kinh tế.

Như vậy, các quy định pháp luật trong lĩnh vực viễn thông tương đối cập nhật và có nhiều điểm bổ sung cho các quy định của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên giữa các văn bản pháp Luật Cạnh tranh và viễn thông vẫn còn ba điểm bất cập và mâu thuẫn nhau dẫn đến khó khăn trong việc thực thi như sau:

» Thẩm quyền xem xét thông báo tập trung kinh tế và xem xét cho hưởng

miễn trừ tập trung kinh tế trong lĩnh vực viễn thông.

- » Trình tự, thủ tục xử lý các hành vi vi phạm Luật Cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông.
- » Mức xử phạt đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông.

Để khắc phục những bất cập nói trên, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực viễn thông và cạnh tranh cần phải có sự đồng bộ về nội dung, cụ thể như sau:

- » Các quy định về hành vi vi phạm trong lĩnh vực viễn thông có thể cụ thể hơn so với các quy định của Luật Cạnh tranh nhưng về bản chất phải tuân thủ theo các mô tả quy định tại Luật Cạnh tranh.
- » Các quy định về cơ quan tiến hành tố tụng và các quy định về trình tự thủ tục điều tra, xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh, quy định về thông báo tập trung kinh tế và quy định về miễn trừ trong lĩnh vực cạnh tranh phải tuân theo các quy định của Luật Cạnh tranh bởi các quy định này cụ thể hơn và việc xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh trong các lĩnh vực đều cần những kiến thức về pháp luật cạnh tranh. Tuy nhiên, việc xử lý các hành

vi này cần tới sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông, do đó pháp luật viễn thông có thể quy định việc tham gia của cơ quan này trong quá trình xử lý hành vi vi phạm của cơ quan quản lý cạnh tranh và hội đồng cạnh tranh.

- » Các quy định về mức xử phạt đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông cần phải được áp dụng theo quy định của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, pháp luật viễn thông có thể quy định các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả đặc thù trong lĩnh vực viễn thông để việc xử phạt có tính răn đe cao hơn.

3. Xem xét các quy định tập trung kinh tế trong Luật Chứng khoán

Có thể nói các quy định liên quan đến hoạt động mua bán và sáp nhập trong lĩnh vực chứng khoán được đưa ra khá nhiều và liên quan tới nhiều đối tượng khác nhau. Trong Luật Chứng khoán và các Thông tư hướng dẫn quy định 03 đối tượng sau phải thực hiện các thủ tục thông báo khi tiến hành mua bán và sáp nhập, đó là:

- » Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ
- » Công ty cổ phần phát hành cổ phiếu hoán đổi
- » Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Đối với mỗi đối tượng như trên đều có quy định cụ thể về các trình tự thủ tục khi tiến hành các hoạt động mua bán và sáp nhập.

Điều 69 Luật Chứng khoán và Điều 83 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định cụ thể về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất chuyển đổi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, theo đó, các công ty chứng khoán đại chúng chỉ cần có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán là có thể tiến hành hoạt động hợp nhất, sáp nhập.

Trong khi đó, Luật Cạnh tranh quy định các doanh nghiệp TTKT có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp đó phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành TTKT. TTKT có thị phần kết hợp trên 50% trên thị trường liên quan sẽ bị cấm trừ trường hợp miễn trừ theo quy định tại Điều 19 Luật Cạnh tranh hoặc doanh nghiệp sau khi thực hiện TTKT vẫn thuộc loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 17 Thông tư 212/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ quy định “Các công ty quản lý quỹ tham gia hợp nhất, sáp nhập có văn bản thông báo hoặc đề nghị cơ quan quản lý cạnh tranh cho phép được hưởng miễn trừ đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập không bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh”.

Khoản 4 Điều 66 Thông tư 210/2012/TT-BTC Hướng dẫn về thành lập công ty chứng khoán quy định: “Công ty chứng khoán liên quan đến hợp nhất, sáp nhập phải tuân thủ pháp luật về cạnh tranh và pháp luật có liên quan khác”

Như vậy, các quy định nêu trên đã phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh về tập trung kinh tế.

Mua bán và sáp nhập của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Theo điều 69 của Luật Chứng khoán có quy định về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, theo đó:

- » 1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi phải được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thời hạn chấp thuận việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi là ba mươi ngày, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- » 2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
- » 3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- » 4. Công ty mới hình thành từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 63 của Luật này.

Bên cạnh đó theo khoản 6 và 7, điều 2 của Thông tư 210/2012/TT-BTC cũng đã giải thích thuật ngữ về hợp nhất và sáp nhập:

» **Hợp nhất** là việc hai hoặc một số công ty chứng khoán cùng loại (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị hợp nhất) hợp nhất thành một công ty chứng khoán mới (sau đây gọi là công ty chứng khoán hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chứng khoán hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty chứng khoán bị hợp nhất.

» **Sáp nhập** là việc một hoặc một số công ty chứng khoán cùng loại (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị sáp nhập) sáp nhập vào một công ty chứng khoán khác (sau đây gọi là công ty chứng khoán nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chứng khoán nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty chứng khoán bị sáp nhập.

Mua bán và sáp nhập của công ty cổ phần phát hành cổ phiếu hoán đổi

Căn cứ theo khoản 3 điều 23 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP có quy định về điều kiện phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi như sau:

Hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành trong công ty đại chúng khác theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập giữa tổ chức phát hành và công ty đại chúng khác:

» a) Có phương án hợp nhất, sáp nhập, phương án hoán đổi cổ phiếu và phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất, sáp nhập được Đại hội đồng cổ đông các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập thông qua;

» b) Có hợp đồng hợp nhất, sáp nhập được ký giữa các bên tham gia hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

» c) Dự thảo Điều lệ công ty sau hợp nhất, sáp nhập được Hội đồng quản trị của các bên tham gia hợp nhất, sáp nhập thông qua;

» d) *Ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh về việc hợp nhất, sáp nhập hoặc cam kết tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh của Hội đồng quản trị các bên tham gia hợp nhất, sáp nhập;*

» đ) Đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ góp vốn, hình thức đầu tư trong trường hợp người sở hữu cổ phiếu trong công ty đại chúng có cổ phiếu được hoán đổi là nhà đầu tư nước.

Mua bán và sáp nhập của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Theo điều 83 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP đã quy định về hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty đầu tư chứng khoán hợp nhất hoặc nhận sáp nhập bao gồm các tài liệu sau:

- » a) Giấy đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hợp nhất hoặc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty nhận sáp nhập;
- » b) Bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- » c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc hợp nhất, sáp nhập kèm theo biên bản họp, phương án hợp nhất hoặc sáp nhập, dự thảo hợp đồng hợp nhất hoặc sáp nhập và báo cáo phân tích việc hợp nhất hoặc sáp nhập;
- » d) Báo cáo đánh giá của các ngân hàng giám sát về nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu, tỷ lệ thanh toán tiền (nếu có) và các nội dung khác có liên quan;
- » đ) Danh sách cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 79 và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điểm c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 78 Nghị định này.

Xét trên góc độ cạnh tranh, các công ty chứng khoán đại chúng nắm giữ thị phần lớn trên thị trường (thị phần kết hợp trên 30%) tham gia tập trung kinh tế, có thể gây ra tác động tới cạnh tranh trên thị trường và cần được cơ quan cạnh tranh xem xét. Do đó, đối chiếu với các quy định, các công ty chứng khoán thuộc đối tượng kiểm soát của Luật Cạnh tranh cũng có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan như thông báo tập trung kinh tế hoặc xin hưởng miễn trừ và được chấp thuận trước khi tiến hành hợp nhất, sáp nhập. Do đó, cần bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể hơn trong pháp luật chuyên ngành để các công ty chứng khoán tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh trong hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

4. Xem xét các quy định tập trung kinh tế trong các văn bản quy phạm pháp luật về Ngân hàng và tổ chức tín dụng

Luật Cạnh tranh hiện nay cấm các hoạt động mua lại và sáp nhập có thể dẫn tới việc một doanh nghiệp có mức tập trung kinh tế lớn hơn 50% trên thị trường liên quan. Trong trường hợp một

doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng (có nhiều thị trường khác nhau), thì tùy theo các cách tính khác nhau có thể dẫn đến kết quả là doanh nghiệp đó có thể bị coi là có “tập trung kinh tế” trên 50% hoặc có thể dưới.

Hoạt động mua bán, sáp nhập trong lĩnh vực ngân hàng khá đặc thù, cách xác định các tiêu chí về thị phần, thị trường liên quan đã được quy định thành điều khoản riêng trong Nghị định 116/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh (Điều 12). Tuy nhiên, trước đây chưa có nghị định về hoạt động mua lại và sáp nhập các tổ chức tín dụng, chưa có văn bản hướng dẫn các thủ tục, quy trình mua lại và sáp nhập rõ ràng, cụ thể.

Luật các tổ chức tín dụng quy định về tổ chức lại tổ chức tín dụng¹⁰ dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 04/2010/TT-NHNN quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng.

¹⁰ Luật các tổ chức tín dụng, Điều 153

Thông tư 04/2010/TT-NHNN quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.¹¹ Thông tư này không đề cập tới hình thức liên doanh giữa các doanh nghiệp khác như quy định về TTKT của Luật Cạnh tranh (Khoản 4 Điều 16 Luật Cạnh tranh).

Về trình tự, thủ tục thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất giữa các tổ chức tín dụng được thực hiện theo Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/06/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Thông tư 04/2010/TT-NHNN quy định hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại giữa các tổ chức tín dụng dựa trên nguyên tắc thỏa thuận, theo đó các bên tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại thỏa thuận giải quyết các quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan phù

hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Pháp luật hiện hành ở đây bao gồm cả pháp Luật Cạnh tranh.

Thông tư 04/2010/TT-NHNN quy định rất cụ thể điều kiện, trình tự thủ tục thực hiện hoạt động tập trung kinh tế đối với từng hình thức sáp nhập, hợp nhất và mua lại tổ chức tín dụng. Trong đó, điều kiện đầu tiên để được sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng là **không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm theo quy định tại Luật Cạnh tranh**,¹² **Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc đề nghị được hưởng miễn trừ đối với trường hợp sáp nhập bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh**.¹³ Quy định dẫn chiếu tới Luật Cạnh tranh này đã loại trừ các quy định về tập trung bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Để thực hiện thủ tục sáp nhập, hợp nhất và mua lại tổ chức tín dụng, các bên tham gia phải nộp hồ sơ đề nghị để Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thực hiện sáp nhập, hợp nhất hoặc mua lại tổ chức tín dụng.¹⁴ Hồ sơ đề nghị mua lại, hợp nhất, sáp nhập tổ chức tín dụng phải bao gồm ý kiến

¹¹ Thông tư 04/2010/TT-NHNN, Điều 1 Khoản 1

¹² Thông tư 04/2010/TT-NHNN, Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 13, Khoản 1 Điều 17

¹³ Thông tư 04/2010/TT-NHNN, Khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 18

¹⁴ Thông tư 04/2010/TT-NHNN, Điểm e Khoản 1 Điều 11; Điểm e, Khoản 1 Điều 15; Điểm g Khoản 1 Điều 19

bằng văn bản của cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc Quyết định được hưởng miễn trừ của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Công Thương đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục thông báo tập trung kinh tế hoặc trường hợp được hưởng miễn trừ theo quy định của Luật Cạnh tranh. Trường hợp không cần các văn bản này, tổ chức tín dụng sáp nhập, mua lại, hợp nhất phải có văn bản giải trình lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo về việc tổ chức tín dụng không vi phạm các quy định của Luật Cạnh tranh về tập trung kinh tế.¹⁵

Tóm lại, các quy định về mua bán, sáp nhập, hợp nhất trong lĩnh vực ngân hàng đã được dẫn chiếu rất cụ thể tới Luật Cạnh tranh về các trường hợp tập trung kinh tế bị cấm hoặc trường hợp được hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm. Điều này phù hợp với quy định của pháp Luật Cạnh tranh. Bên cạnh đó, các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện mua bán, sáp nhập, hợp nhất trong lĩnh vực ngân hàng đã cụ thể hóa và hỗ trợ quá trình kiểm soát các hành vi tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Nhìn chung các văn bản QPPL trong lĩnh vực ngân hàng, tổ chức tín dụng đã tương thích với pháp luật cạnh tranh,

tuy nhiên vẫn còn một số quy định trong hệ thống pháp luật ngân hàng chưa phù hợp với Luật Cạnh tranh như:

Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, theo đó nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua cổ phần với mức tổng sở hữu lên đến 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam (trường hợp đặc biệt có thể lên đến 20% do Thủ tướng Chính phủ quyết định). Tuy nhiên hành vi mua cổ phần là một trường hợp của tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng Việt Nam theo đúng tỷ lệ trên nhưng hoàn toàn có thể vượt ngưỡng cấm thực hiện mua bán theo Luật Cạnh tranh thì chưa được tính đến.

¹⁵ Thông tư 04/2010/TT-NHNN, Điều 3

5. Xem xét các quy định về tập trung kinh tế trong văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm

Điều 16 của Nghị định 45/2007/NĐ-CP và theo Điều 18 Thông tư 124/2012/TT-BTC có quy định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp bảo hiểm như sau¹⁶:

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp bảo hiểm được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 16 Nghị định số 45/2007/NĐ-CP (đối với trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), Điều 42 Nghị định số 123/2011/NĐ-CP (đối với trường hợp chuyển đổi hình thức), quy định pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 124/2012/TT-BTC. Theo đó, việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua, bán doanh nghiệp, chuyển nhượng từ 10% số vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bảo đảm:

- » Hoạt động ổn định của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;
- » Không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;
- » Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- » Có sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Như vậy, quy định việc mua bán, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật có

¹⁶ Điều 16 của Nghị định 45 và theo điều 18, thông tư 124/2012/TT-BTC

liên quan là đã bao gồm quy định của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, quy định này chưa đầy đủ, cần có quy định về việc tuân thủ các quy định về thông báo tập trung kinh tế và các trường hợp bị cấm thực hiện tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Đối với quy định hoạt động mua bán, sáp nhập, hợp nhất trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm cần có sự chấp thuận của Bộ Tài chính, quy định tại Điều 17 Nghị định 123/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định những thay đổi phải thông báo với Bộ Tài chính có quy định bổ sung: chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính những thay đổi liên quan đến doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, trong đó bao gồm việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển nhượng 100% vốn.

Căn cứ theo các quy định kể trên, việc mua bán và sáp nhập của các doanh nghiệp bảo hiểm phải được chấp thuận của Bộ Tài chính. Các quy định hiện hành không yêu cầu các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động này phải tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh về thủ tục thông báo tập trung kinh tế hoặc các

trường hợp tập trung kinh tế. Quy định này có mâu thuẫn với Luật Cạnh tranh. Do hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có ảnh hưởng khá lớn đối với thị trường bảo hiểm nói riêng và thị trường tài chính nói riêng, chính vì vậy việc xem xét các tác động về cạnh tranh trong một vụ việc mua bán và sáp nhập là rất cần thiết. Các quy định do Bộ Tài chính đưa ra chủ yếu liên quan đến các vấn đề mang tính kỹ thuật và trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp bảo hiểm. Trong khi đó, nếu hoạt động mua bán và sáp nhập giữa các doanh nghiệp nắm giữ thị phần lớn trên thị trường sẽ có tác động khá lớn đến hoạt động của thị trường kinh doanh bảo hiểm. Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý hoạt động mua bán và sáp nhập tại Việt Nam, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cần phải có quy định dẫn chiếu tới Luật Cạnh tranh về các trường hợp mua bán, sáp nhập thuộc trường hợp phải thông báo tập trung kinh tế hoặc bị cấm tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh.

Quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức, giải thể doanh nghiệp

Điều 8 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số quy định:

» **Phạt tiền:**

Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không theo quy định của pháp luật.

Từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không theo quy định của pháp luật.

» **Hình thức xử phạt bổ sung:**

Đình chỉ hoạt động từ 02 tháng đến 03 tháng một phần nội dung, phạm vi liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm hành chính trong Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

» **Biện pháp khắc phục hậu quả:**

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có

được do thực hiện vi phạm hành chính mà có đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Quy định về chế tài phạt tiền phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh đối với mọi trường hợp giải thể doanh nghiệp, trường hợp mua lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với trường hợp tập trung kinh tế có thị phần kết hợp của các doanh nghiệp chiếm dưới 30% trên thị trường liên quan.

Quy định này mâu thuẫn với quy định của Luật Cạnh tranh đối với các trường hợp tập trung kinh tế có thị phần chiếm trên 30% trên thị trường liên quan bởi Luật Cạnh tranh đưa ra chế tài nghiêm khắc hơn rất nhiều so với quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Theo đó, hành vi tập trung kinh tế bị cấm (khi thị phần kết hợp của các bên chiếm trên 50% trên thị trường liên quan) sẽ bị phạt tối đa lên tới 10% tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm; trường hợp không thông báo tập trung kinh tế (khi thị phần kết hợp chiếm từ 30% - 50% trên thị trường liên quan) sẽ bị phạt từ 1% - 3% tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

6. Xem xét các quy định tập trung kinh tế trong hệ thống pháp luật về điện lực

Đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực, ngày 17/10/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định 134/2013/NĐ-CP quy định việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2013. Trong các hành vi liệt kê trong Nghị định có một số hành vi có bản chất là hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền hoặc tập trung kinh tế. Tuy nhiên, mức xử phạt theo quy định của pháp luật điện lực thấp hơn rất nhiều so với mức tới 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm. Cụ thể, Khoản 5 Điều 8 Nghị

định 134/2013/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm các quy định về hoạt động truyền tải điện quy định phạt tiền đơn vị truyền tải điện từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi góp vốn thành lập đơn vị phát điện hoặc mua cổ phần của đơn vị phát điện.

7. Xem xét các quy định tập trung kinh tế trong hệ thống pháp luật về vô tuyến

Tương tự các quy định về hành vi vi phạm trong lĩnh vực viễn thông, các quy định về hành vi vi phạm trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện cũng được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Điều 21 Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng khi doanh nghiệp không thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi tiến hành tập trung kinh tế có thị phần kết hợp từ 30% trở lên trên thị trường dịch vụ liên quan. Mức xử phạt này thấp hơn rất nhiều so với quy định của Luật Cạnh tranh.

pháp luật trong lĩnh vực hàng không so với Luật Cạnh tranh

8. Xem xét các quy định tập trung kinh tế trong các văn bản quy phạm

Đối với lĩnh vực chuyển nhượng, tặng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo hình thức đầu tư trực tiếp, việc chuyển nhượng, tặng cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện sau 02 năm kể từ ngày bắt đầu khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không chung và phải tuân thủ các quy định theo Nghị định 30/2013/NĐ-CP¹⁷. Hãng hàng không không được phép thực hiện nhượng quyền kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại tại Việt Nam cho hãng hàng không khác¹⁸.

¹⁷ Điều 18 Nghị định 30/2013/NĐ-CP quy định

¹⁸ Điều 27. Nghị định 30/2013/NĐ-CP

Trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, hãng hàng không phải nộp hồ sơ đến Cục hàng không Việt Nam. Cục hàng không Việt Nam sẽ có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời đồng ý hoặc không đồng ý. Sau đó, Cục HKVN, Bộ GTVT trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận. Quy trình về việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài được quy định rõ ràng trong Nghị định 30/2013/NĐ-CP¹⁹.

Đánh giá: Về cơ bản, các quy định trong lĩnh vực hàng không không gây ra bất kỳ hạn chế hay rào cản nào trong việc mua lại, chuyển nhượng cổ phần. Các thủ tục, quy trình được quy định rõ ràng trong các văn bản hướng dẫn Luật. Tuy nhiên, với việc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài, các hãng hàng không chỉ được phép mua lại sau 02 năm kể từ khi doanh nghiệp bị mua lại cổ phần bắt đầu khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không chung.

Bên cạnh các quy định về tập trung kinh tế, mua bán chuyển nhượng cổ phần trong lĩnh vực hàng không được quy định cụ thể trong luật chuyên ngành, theo quy định của Luật Cạnh tranh, nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp trên thị trường liên quan thuộc ngưỡng phải thông báo, hoặc phải có đơn xin hưởng để được thực hiện mua bán, sáp nhập. Do đó, ngoài việc làm thủ tục, hồ sơ đến cơ quan quản lý chuyên ngành là Cục HKVN, các doanh nghiệp phải làm các thủ tục liên quan đến pháp luật cạnh tranh và nộp hồ sơ đến Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công Thương.

¹⁹ Khoản 1(b), 5(a), Điều 19 Nghị định 30/2013/NĐ-CP

9. Xem xét các quy định của pháp luật đầu tư trong mối liên hệ và tương quan so sánh với pháp luật cạnh tranh

Hiện nay, các quy định liên quan đến hoạt động M&A để xác lập giao dịch đã được hình thành trong các quy định của Bộ luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên, các quy định này mới chỉ dừng lại ở việc

xác lập về mặt hình thức của hoạt động M&A, trong khi đó các vấn đề về mặt nội dung cần phải được quy định đầy đủ hơn nữa bởi vì hoạt động M&A còn có nhiều nội dung liên quan đến định giá doanh nghiệp, giải quyết các vấn đề tài chính, cổ phần, cổ phiếu, thuế, phí... của doanh nghiệp trong quá trình và sau khi M&A.

Thêm nữa, thị trường M&A là một thị trường cần sự tham gia, tham vấn của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu về các lĩnh vực khác nhau như luật pháp, tài chính, thương hiệu... do đó, cần có những chương trình đào tạo để có được đội ngũ chuyên gia tốt, những người môi giới, tư vấn cho cả bên mua, bên bán, đồng thời là người cung cấp thông tin tốt nhất về thị trường. Có như vậy thị trường M&A Việt Nam mới hoạt động tốt và đi vào chuyên nghiệp.

Thực tế, trong Luật Đầu tư 2005 đã bổ sung thêm 2 hình thức đầu tư mới là sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (DN), mua cổ phần hoặc góp vốn tham gia quản lý hoạt động đầu tư. Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, quá trình cổ phần hóa DN nhà nước đang diễn ra rất rầm rộ. Nhưng một hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ và minh bạch làm cơ sở cho việc thực hiện các giao dịch mua bán và sáp nhập DN, hạn chế tập trung kinh tế và cạnh tranh không

lành mạnh vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

Đối với các quy định về hình thức đầu tư, Luật Đầu tư 2005 quy định các hình thức đầu tư trực tiếp, trong đó có việc mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư; đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp. Nhà đầu tư được góp vốn, mua cổ phần của các công ty, chi nhánh tại Việt Nam. Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đối với một số lĩnh vực ngành nghề do Chính phủ quy định. Ngoài ra, nhà đầu tư nước ngoài khi góp vốn, mua cổ phần phải thực hiện đúng các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về tỷ lệ góp vốn, hình thức đầu tư và lộ trình mở cửa thị trường²⁰. Điều 25 cũng khẳng định điều kiện sáp nhập, mua lại công ty, chi nhánh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật về cạnh tranh và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện (như tài chính, ngân hàng, viễn thông, giáo dục ...) thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước trong trường hợp các nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở lên (Khoản 4 Điều 29).

Luật Đầu tư 2014 không chia theo hình thức đầu tư mà quy định nhà đầu tư có quyền góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế. Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức mua cổ phần phát hành lần đầu hoặc cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty TNHH, công ty hợp danh hoặc tổ chức kinh tế khác không phải thuộc hai trường hợp trên, mua cổ phần của công ty cổ phần tư công ty hoặc cổ đông, mua phần vốn góp của các thành viên công ty TNHH để trở thành thành viên của công ty TNHH, mua phần vốn góp trong công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn của công ty hợp danh, mua phần vốn góp của thành viên tổ chức kinh tế khác không thuộc các trường hợp vừa nêu...

Trong pháp luật đầu tư chỉ có một số quy định đề cập đến vấn đề kiểm soát tập trung kinh tế dưới góc độ Luật Cạnh tranh: “Nhà đầu tư khi góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp tại Việt Nam phải: . . . tuân thủ các quy định về điều kiện tập trung kinh tế của pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về doanh nghiệp...” (Khoản 2 Điều 10 Nghị định 108/2006/NĐ-CP).

²⁰ Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/09/2006 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư

10. Văn bản QPPL về hệ thống PL phá sản

Nhằm đảm bảo cấu trúc cạnh tranh của thị trường, thực tiễn đã đặt ra nhu cầu phải kiểm soát các hành vi tập trung kinh tế của doanh nghiệp. Luật Cạnh tranh quy định “cấm tập trung kinh tế nếu thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế chiếm trên 50% trên thị trường liên quan...” (Điều 18, Luật Cạnh tranh). Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp các giao dịch tập trung kinh tế đều có khả năng gây hại cho cạnh tranh, mà trong một số trường hợp những giao dịch này cũng mang lại những lợi ích nhất định. Chẳng hạn góp phần giúp cho một bên của giao dịch thoát khỏi nguy cơ bị phá sản, hoặc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp quốc nội... Tuy vậy, cần phải thấy là việc cân nhắc giữa tác hại và lợi ích mà các giao dịch mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mang lại phải đặt

trong tương quan với chính sách cạnh tranh và điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia trong từng giai đoạn nhất định. Trên tinh thần đó, Luật Cạnh tranh quy định các giao dịch tập trung kinh tế mặc dù rơi vào trường hợp bị cấm nhưng nếu thỏa mãn những điều kiện do luật định thì có thể được xem xét để được miễn trừ. Một trong các trường hợp miễn trừ theo quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam đối với các giao dịch tập trung kinh tế bị cấm đó là:

“Một hoặc nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ giải thể hoặc lâm vào trường hợp phá sản;...” (Khoản 1, Điều 19, Luật Cạnh tranh)

Để giải thích cho khái niệm “Doanh nghiệp đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản” được nhắc đến trong các quy định trên, Điều 36 Nghị định 116/2005/NĐ-CP đã dẫn chiếu đến Luật phá sản như sau:

- » “1. Doanh nghiệp đang trong nguy cơ bị giải thể là ...
- » 2. Doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật Phá sản.”

Theo Khoản 1 và 2 Điều 4 Luật phá sản 2014, “Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ

thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”.

“Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản”

Trong trường hợp được miễn trừ đối với tập trung kinh tế theo khoản 1, Điều 19 Luật Cạnh tranh nêu trên, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ theo quy định tại Mục 4 Chương II Luật Cạnh tranh. Trong đó, doanh nghiệp phải chuẩn bị báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng trường hợp miễn trừ trên. Điều 40 Nghị định 116/2005/NĐ-CP quy định chi tiết điều này như sau:

“Báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Cạnh tranh phải chứng minh được việc một hay nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng bị phá sản theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này”.

Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn trừ tập trung kinh tế đối với trường hợp doanh nghiệp đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.

Về tính phù hợp, chồng chéo giữa hai hệ thống pháp luật

Về khái niệm doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản

Để giải nghĩa cho khái niệm này Luật Cạnh tranh đã dẫn chiếu đến Điều 3 Luật Phá sản 2004 (như đã trình bày ở phần trên) nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, cách giải thích khái niệm của Luật Phá sản còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn nên cũng dẫn đến việc vận dụng theo Luật Cạnh tranh cũng còn nhiều khó khăn.

Xem xét trong mối tương quan với Luật Cạnh tranh có thể thấy, Luật Cạnh tranh quan tâm đến sự cân đối giữa khả năng gây tổn hại đến cạnh tranh trên thị trường của các vụ việc tập trung kinh tế và lợi ích mà các vụ việc này mang lại cho thị trường. Khả năng gây tổn hại đến cạnh tranh được các cơ quan cạnh tranh trên thế giới xem xét dựa trên nhiều tiêu chí. Đối với Luật Cạnh tranh, có thể xem xét theo khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của doanh nghiệp trên thị trường liên quan tại Điều 22 Nghị định 116/2005/NĐ-CP. Trong các cơ sở xem xét tại Điều 22 nêu trên, không có bất cứ quy định nào về việc “không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn”, có chăng cũng chỉ được xem xét là một tình tiết nhỏ để xác định “*năng lực tài chính của doanh nghiệp*”. Do vậy, rõ ràng việc doanh nghiệp có thanh

toán được các khoản nợ đến hạn hay không sẽ không thể hiện được toàn bộ năng lực tài chính, cũng như khả năng gây tổn hại đến thị trường của vụ việc tập trung kinh tế. Do đó, việc miễn trừ tập trung kinh tế cho các doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản là **không phù hợp và thiếu thống nhất trong chính Luật Cạnh tranh**.

Xem xét cách giải thích khái niệm tại Điều 3 Luật phá sản cho thấy: điều luật này chỉ mang tính chất định tính, thiếu chặt chẽ, không phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp. Nếu căn cứ vào lý do không thể thanh toán các khoản nợ đến hạn đều lâm vào tình trạng phá sản thì rất nhiều doanh nghiệp rơi vào cảnh này. Tuy nhiên, không phải cứ có nợ quá hạn là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã thuộc diện hết đường chi trả. Trên thực tế, hầu hết các doanh nghiệp, hợp tác xã đều vừa là con nợ đối với một vài người, lại vừa là chủ nợ đối với một số cá nhân khác. Thậm chí, theo Tòa án nhân dân tối cao, có hợp tác xã, doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản vẫn là chủ nợ với số tiền lớn hơn số nợ mà họ quá hạn. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể không trả được nợ ngay, nhưng họ có thể tái cơ cấu, bán bớt một phần tài sản, thu gọn hoạt động, cắt giảm một số chi phí..., từ đó, cân đối được nguồn để trả trong một thời gian nhất định. Quy định thiếu chặt chẽ trên dẫn đến khả năng các doanh nghiệp dựa vào lý do chưa thanh toán được các khoản nợ đến hạn để xin hưởng miễn trừ tập trung kinh tế theo khoản 1, Điều 19, Luật Cạnh tranh, mặc dù trên thực tế việc tập trung kinh tế của các doanh nghiệp này thực sự có tác động tiêu cực đến cạnh tranh.

Để xử lý bất cập này, Luật phá sản 2014 đưa ra hướng xác định “Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”. Và “Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản”. Như vậy quy định này hỗ trợ việc việc chứng minh một hay nhiều bên tham gia tập trung kinh tế đang trong nguy cơ bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng bị phá sản trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

²¹ Hà Phong, Hanoimoi.com, Luật Phá sản hiện hành: thiếu cơ chế sàng lọc doanh nghiệp, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/622058/luat-pha-san-hien-hanh-thieu-co-che-sang-loc-doanh-nghiep>

PHỤ LỤC III

QUYẾT ĐỊNH CHO HƯỞNG MIỄN TRỪ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2327/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Cho hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cảnh tranh ngày 3 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cảnh tranh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho hưởng miễn trừ tập trung kinh tế đối với:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN MẠCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà C3, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THỂ SMARTLINK

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà Thủ Đô, số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Các bên tham gia tập trung kinh tế có tên tại Điều 1 được thực hiện tập trung kinh tế theo hình thức sáp nhập doanh nghiệp sau khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Thời hạn được hưởng miễn trừ là 5 năm. Sau mỗi 5 năm, nếu các bên tham gia tập trung kinh tế không vi phạm các điều kiện và nghĩa vụ cho hưởng miễn trừ quy định tại Điều 4 Quyết định này, thời hạn được hưởng miễn trừ sẽ được gia hạn tự động 5 năm.

Điều 4. Điều kiện và nghĩa vụ cho hưởng miễn trừ:

1. Doanh nghiệp sau sáp nhập (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) phải xây dựng và thực hiện lộ trình triển khai các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để đảm bảo chất lượng dịch vụ kết nối vào hạ tầng chuyển mạch.

2. Doanh nghiệp phải đảm bảo quyền của các ngân hàng và các doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và có đề nghị phải được kết nối vào hệ thống và được mua dịch vụ trung gian thanh toán trên cơ sở không phân biệt đối xử.

3. Doanh nghiệp phải đăng ký mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, trong đó có nội dung đảm bảo chất lượng dịch vụ kết nối với Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương và cơ quan quản lý chuyên ngành trong lĩnh vực trung gian thanh toán trước khi áp dụng đối với khách hàng để đảm bảo việc loại bỏ các điều khoản bất lợi mà doanh nghiệp áp đặt lên khách hàng.

4. Việc bổ sung, điều chỉnh các loại phí dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo với Bộ Công Thương (Cục Quản lý cạnh tranh) việc thực hiện các điều kiện cho hưởng miễn trừ và cam kết nêu trên sau mỗi 5 năm.

Điều 5. Các hành vi vi phạm pháp Luật Cạnh tranh và vi phạm pháp luật liên quan khác của doanh nghiệp được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các doanh nghiệp có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;

Các Bộ: Công Thương; Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công Thương);

Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam;

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thẻ Smartlink;

VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: PL, TKBT, TH, TGD Cổng TTĐT;

Lưu: VT, KTTH (3).LT

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Hoàng Trung Hải



CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH - BỘ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ : Số 25 - Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : +84 4 2220 5002

Fax : +84 4 2220 5003

E-mail : qlct@moit.gov.vn

Website : www.vca.gov.vn / www.qlct.gov.vn